VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản

Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

Căn cứ Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản[1].

[1] Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 195/2013/NĐ-CP) về tổ chức, hoạt động trong các lĩnh vực xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm và xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử.

Điều 2. Chế độ báo cáo định kỳ quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP[2]

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trong hoạt động xuất bản theo quy định tại Thông tư số 02/2023/TT-BTTTT ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Sở Thông tin và Truyền thông hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt

---

thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024, có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018);

Căn cứ Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông);

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT).

[2] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

động xuất bản (sau đây gọi tắt là "Sở"), cơ sở in ở Trung ương và ở địa phương kết hợp nội dung báo cáo tình hình hoạt động in xuất bản phẩm với hoạt động in các sản phẩm không phải xuất bản phẩm trong cùng một văn bản báo cáo và thực hiện theo quy định tại:

a) Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

b) Các mẫu số 13, 15a, 15b, và 15c của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy đinh về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

Điều 3. Tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính trong hoạt động xuất bản

1. Đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tại Luật Xuất bản, Nghị định số 195/2013/NĐ-CP và Thông tư này, Cục Xuất bản, In và Phát hành có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và giải quyết theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quy định tại Luật Xuất bản, Nghị định số 195/2013/NĐ-CP và Thông tư này, Sở có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và giải quyết theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức tập huấn và bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ trong các lĩnh vực xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm

1. Cục Xuất bản, In và Phát hành chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ trong các lĩnh vực xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm trên phạm vi cả nước.

2. Sở chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật trong các lĩnh vực xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm tại địa phương.

Chương II
LĨNH VỰC XUẤT BẢN

Điều 5. Hướng dẫn ký duyệt bản thảo hoàn chỉnh trước khi đưa in quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 18 Luật Xuất bản

1. Bản thảo in trên giấy thông thường; bản thảo in trên giấy can, trên phim; bản thảo điện tử (bao gồm nội dung xuất bản phẩm, thông tin ghi trên xuất bản phẩm,

bìa sách nếu là sách in) phải được biên tập viên và tổng biên tập thực hiện biên tập hoàn chỉnh trước khi trình giám đốc hoặc tổng giám đốc nhà xuất bản để ký duyệt đưa in.

2. Cách thức ký duyệt bản thảo của giám đốc (tổng giám đốc) nhà xuất bản:

a) Đối với bản thảo của xuất bản phẩm là sách được in trên giấy thông thường, giám đốc (tổng giám đốc) nhà xuất bản ký tên, đóng dấu vào bìa 1, bìa 4 và trang ghi số xác nhận đăng ký xuất bản hoặc ký tên vào phiếu duyệt bản thảo đã có đủ chữ ký của tổng biên tập, biên tập viên nhà xuất bản trên phiếu duyệt và phải đóng dấu giáp lai phiếu duyệt với bản thảo;

b) Đối với bản thảo của xuất bản phẩm không phải là sách được in trên giấy thông thường, trên giấy can, trên phim và bản thảo điện tử, giám đốc (tổng giám đốc) nhà xuất bản ký tên vào phiếu duyệt bản thảo sau khi có đủ chữ ký của tổng biên tập và biên tập viên nhà xuất bản trên phiếu duyệt bản thảo.

Điều 6. Trình tự, thủ tục, cách thức thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập

1. Trình tự, thủ tục, cách thức thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật Xuất bản được thực hiện như sau:

a) Việc xác định biên tập viên thuộc trường hợp bị thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật Xuất bản phải được Cục Xuất bản, In và Phát hành lập thành biên bản;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản, Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành phải ra quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập;

c) Kể từ ngày có quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập, biên tập viên không được thực hiện biên tập bản thảo, đứng tên trên xuất bản phẩm và có trách nhiệm nộp lại chứng chỉ hành nghề biên tập cho Cục Xuất bản, In và Phát hành.

2.[3] Trình tự, thủ tục, cách thức cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập quy định tại Khoản 4 Điều 20 Luật Xuất bản được thực hiện như sau:

a) Sau 02 năm, kể từ ngày bị thu hồi chứng chỉ hành nghề biên tập, biên tập viên được đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập. Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập theo Mẫu số 05 gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Xuất bản, In và Phát hành;

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành hoàn thành việc cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập cho biên tập viên; trường hợp không cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

3.[4] Trình tự, thủ tục, cách thức cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập quy định tại Khoản 5 Điều 20 Luật Xuất bản được thực hiện như sau:

a) Chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày chứng chỉ hành nghề biên tập bị mất hoặc bị hư hỏng, biên tập viên phải có đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập theo Mẫu số 05 gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Xuất bản, In và Phát hành;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành hoàn thành việc cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập cho biên tập viên; trường hợp không cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Điều 7. Nội dung cơ bản của hợp đồng liên kết quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 23 Luật Xuất bản

Ngoài các thông tin phải có theo quy định của pháp luật về hợp đồng, hợp đồng liên kết giữa nhà xuất bản và đối tác liên kết quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 23 Luật Xuất bản phải có đủ các thông tin sau đây:

1. Tên và địa chỉ nhà xuất bản, đối tác liên kết.

2. Tên xuất bản phẩm, tên tác giả.

3. Hình thức liên kết xuất bản theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Luật Xuất bản (Có thể áp dụng một hoặc nhiều hình thức liên kết trong một hợp đồng). Căn cứ hình thức liên kết, quy định rõ trách nhiệm của mỗi bên trong việc thực hiện các công đoạn tương ứng với hình thức liên kết đó.

4. Trách nhiệm của nhà xuất bản hoặc đối tác liên kết phải có Giấy chấp thuận sử dụng tác phẩm, tài liệu để xuất bản, tái bản của tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả và thực hiện nghĩa vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ.

5. Trách nhiệm của đối tác liên kết trong việc chấp hành các quyết định của tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản về việc đình chỉ phát hành, thu hồi, tiêu hủy xuất bản phẩm vi phạm.

---

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

6. Các nội dung ghi tại các khoản từ 1 đến 5 và các thông tin khác (nếu có) không được trái với quy định của pháp luật về xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm, pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan.

Điều 8. Quản lý số xác nhận đăng ký xuất bản quy định tại Khoản 6 Điều 10 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP

1. Số xác nhận đăng ký xuất bản được cấp cho từng xuất bản phẩm, và được ghi trong giấy xác nhận đăng ký xuất bản. Nhà xuất bản phải ghi chính xác số xác nhận đăng ký xuất bản trên xuất bản phẩm được xuất bản theo hướng dẫn trong giấy xác nhận đăng ký xuất bản.

2. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 của năm liền sau năm xác nhận đăng ký xuất bản, nhà xuất bản phải báo cáo với Cục Xuất bản, In và Phát hành danh mục tên xuất bản phẩm đã được cấp số xác nhận đăng ký xuất bản nhưng không thực hiện xuất bản.

Điều 9. Phương thức đăng ký xuất bản qua mạng Internet quy định tại Khoản 6 Điều 10 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP

Ngoài việc nộp hồ sơ đăng ký xuất bản trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Cục Xuất bản, In và Phát hành, phương thức đăng ký xuất bản qua mạng Internet thực hiện như sau:

1. Nhà xuất bản phải có chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp để thực hiện việc đăng ký xuất bản qua mạng Internet.

2. Nhà xuất bản thực hiện kê khai các thông tin đăng ký xuất bản theo hướng dẫn trên Cổng thông tin điện tử của Cục Xuất bản, In và Phát hành về cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Điều 10. Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh quy định tại Điều 12 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP

1.[5] Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở.

2. Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh lập một (01) bộ hồ sơ, gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

---

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

b) Hai (02) bản thảo tài liệu in trên giấy có đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản tại trang đầu và giáp lai giữa các trang bản thảo hoặc một (01) bản thảo lưu trong thiết bị lưu trữ điện tử với định dạng không cho phép can thiệp, sửa đổi; trường hợp tài liệu không kinh doanh xuất bản dạng điện tử thì nộp một (01) bản thảo điện tử có chữ ký số của thủ trưởng cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép xuất bản;

Đối với tài liệu bằng tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam phải kèm theo bản dịch tiếng Việt có đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản.

Điều 11. Hướng dẫn việc ghi thông tin trên xuất bản phẩm

Ngoài các quy định tại Điều 27 Luật Xuất bản, việc ghi thông tin trên xuất bản phẩm thực hiện theo quy định sau đây:

1. Đối với xuất bản phẩm dưới dạng sách in:

a) Trên bìa một không ghi tên tác giả, tên người dịch, tên người phiên âm, tên người biên soạn đối với sách có nội dung nguyên văn văn kiện của Đảng; văn bản quy phạm pháp luật; văn bản kinh, giáo luật của tôn giáo đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;

b) Phải ghi số thứ tự các trang;

c) Trường hợp sử dụng hình ảnh Quốc huy, Quốc kỳ để thể hiện trên sách phải tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Phải ghi "Sách chuyên quảng cáo" trên bìa bốn đối với sách chuyên về quảng cáo;

đ) Phải in từ "TUYỆT MẬT", "TỐI MẬT" hoặc "MẬT" trên trang tên sách đối với sách có nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và chỉ nộp tờ khai lưu chiểu theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 28 Luật Xuất bản.

2. Đối với xuất bản phẩm điện tử:

a) Ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Khoản 5 Điều 27 Luật Xuất bản tại phần đầu của xuất bản phẩm, trừ khuôn khổ, họ tên người sửa bản in, số lượng in, tên và địa chỉ cơ sở in;

b) Vị trí ghi số xác nhận đăng ký xuất bản là giao diện đầu hoặc phần đầu của xuất bản phẩm điện tử trên mạng Internet hoặc trong phần mềm của thiết bị đầu - cuối.

3. Đối với xuất bản phẩm không phải là sách:

a) Đối với tranh, ảnh, bản đồ, áp-phích, tờ rời, tờ gấp: Số xác nhận đăng ký xuất bản hoặc số giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh phải ghi tại góc dưới bên phải trang đầu hoặc trang cuối;

b) Đối với lịch blốc, lịch tờ:

Thứ, ngày, tuần, tháng, năm dương lịch phải ghi đúng với Bảng lịch do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

Ngoài thông tin về thứ, ngày, tuần, tháng, năm dương lịch, tùy theo kích thước, tính chất, mục đích sử dụng của lịch, giám đốc (tổng giám đốc) nhà xuất bản quyết định lựa chọn các thông tin còn lại trong Bảng lịch và các thông tin khác để in trên lịch nhưng phải đảm bảo chính xác, phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam, có chú thích rõ nguồn thông tin, số liệu; không ghi thông tin mang tính khuyến nghị, khuyến cáo không có cơ sở khoa học;

Các thông tin trên lịch phải được in bằng tiếng Việt; trường hợp sử dụng cả tiếng Việt, tiếng các dân tộc thiểu số Việt Nam, tiếng nước ngoài có cùng nội dung thì khổ chữ tiếng các dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài không được quá 3/4 khổ chữ tiếng Việt;

Ngày Quốc lễ và ngày Chủ nhật phải in màu đỏ; các ngày kỷ niệm lớn của đất nước phải in màu đỏ hoặc trình bày, thiết kế khác so với những ngày còn lại trong tuần;

Tên nhà xuất bản, số xác nhận đăng ký xuất bản, số quyết định xuất bản, số lượng in, khuôn khổ, tên và địa chỉ cơ sở in, tên và địa chỉ của đối tác liên kết (nếu có) phải ghi trên vỏ bọc đối với lịch blốc, tại góc dưới bên phải tờ lịch có tháng 12 đối với lịch tờ;

c) Đối với lịch sổ, lịch để bàn và các loại lịch in khác: Ghi tên nhà xuất bản; số xác nhận đăng ký xuất bản; số quyết định xuất bản; số lượng in; tên và địa chỉ trụ sở chính của cơ sở in; tên và địa chỉ của đối tác liên kết (nếu có) và giám đốc (tổng giám đốc) quyết định vị trí ghi các thông tin này;

d) Đối với bản ghi âm, ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách (bao gồm: đĩa CD, đĩa CD-ROM, băng cát-sét, băng video, các thiết bị lưu trữ dữ liệu khác): Số xác nhận đăng ký xuất bản, số giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh được ghi như sau: Ghi trên nhãn được dán lên mặt đĩa CD, đĩa CD-ROM và mặt ngoài của vỏ hộp đĩa; ghi trên nhãn được dán lên mặt ngoài vỏ hộp đựng băng cát - sét, băng video, thiết bị lưu trữ dữ liệu khác.

4. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) ghi trên xuất bản phẩm thực hiện theo Thông tư số 05/2016/TT-BTTTT ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng mã số sách tiêu chuẩn quốc tế; trường hợp có sự sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư số 05/2016/TT-BTTTT thì thực hiện theo quy định mới.

Điều 12. Thủ tục nộp xuất bản phẩm lưu chiểu và nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam quy định tại Điều 28 và Điều 48 Luật Xuất bản, Điều 21 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP

Ngoài các quy định tại Điều 28 và Điều 48 Luật Xuất bản, Điều 21 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP, thủ tục nộp xuất bản phẩm lưu chiểu và nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam được thực hiện như sau:

1. Đối với xuất bản phẩm dạng in:

a) Nộp qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp đến Cục Xuất bản, In và Phát hành, Sở, Thư viện Quốc gia Việt Nam;

b) Mỗi xuất bản phẩm khi nộp lưu chiểu và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam phải kèm theo hai (02) tờ khai lưu chiểu;

c) Đối với xuất bản phẩm của nhà xuất bản: Trên trang in số xác nhận đăng ký xuất bản, số quyết định xuất bản phải có dấu của nhà xuất bản hoặc có dấu của chi nhánh nhà xuất bản và có chữ ký của lãnh đạo nhà xuất bản hoặc người được lãnh đạo nhà xuất bản ủy quyền bằng văn bản;

d) Đối với tài liệu không kinh doanh được Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở cấp giấy phép xuất bản: Trên trang in số giấy phép xuất bản, phải có dấu và chữ ký của lãnh đạo cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản hoặc người được lãnh đạo cơ quan, tổ chức ủy quyền bằng văn bản.

2. Đối với xuất bản phẩm điện tử:

Ngoài việc thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP, nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp để thực hiện nộp lưu chiểu xuất bản phẩm qua mạng Internet và đảm bảo tính toàn vẹn của xuất bản phẩm nộp lưu chiểu và xuất bản phẩm nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam;

b) Trường hợp nộp xuất bản phẩm điện tử qua mạng Internet phải thực hiện theo hướng dẫn về cách thức nộp trên Cổng thông tin điện tử của Cục Xuất bản, In và Phát hành, Sở, Thư viện Quốc gia Việt Nam;

c) Trường hợp xuất bản phẩm điện tử được chứa trong thiết bị lưu trữ dữ liệu thì phải gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Cục Xuất bản, In và Phát hành, Sở, Thư viện Quốc gia Việt Nam.

3. Thời điểm nộp xuất bản phẩm lưu chiểu và nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam được xác định tại phần ký nhận của cơ quan nhận lưu chiểu và của Thư viện Quốc gia Việt Nam trong tờ khai lưu chiểu.

4. Việc lưu giữ và sử dụng xuất bản phẩm lưu chiểu thực hiện như sau:

Cục Xuất bản, In và Phát hành, Sở có trách nhiệm tổ chức kho lưu chiểu để thực hiện lưu giữ xuất bản phẩm lưu chiểu trong thời gian 24 tháng để khai thác, sử dụng phục vụ công tác quản lý nhà nước.

Hết thời hạn lưu giữ, Cục Xuất bản, In và Phát hành, Sở được chuyển giao xuất bản phẩm lưu chiểu cho cơ quan, tổ chức khác để phục vụ bạn đọc. Việc chuyển giao xuất bản phẩm phải lập thành biên bản và có danh mục xuất bản phẩm kèm theo.

Chương III
LĨNH VỰC IN XUẤT BẢN PHẨM

Điều 13. Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm quy định tại Khoản 5 Điều 32 Luật Xuất bản

1. Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm bị mất hoặc bị hư hỏng, cơ sở in phải có hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép.

2.[6] Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm được nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở.

3.[7] Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm theo Mẫu số 18.

4.[8] Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở phải cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; trường hợp không cấp lại giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Điều 14. Thủ tục đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm quy định tại Khoản 6 Điều 32 Luật Xuất bản

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có một trong các thay đổi quy định tại Khoản 6 Điều 32 Luật Xuất bản, cơ sở in phải có hồ sơ đề nghị đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.

---

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

2.[9] Hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm được nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở.

3.[10] Hồ sơ được lập thành một (01) bộ, gồm:

a) Đơn đề nghị cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm theo Mẫu số 18;

b) Trường hợp thay đổi địa chỉ của mặt bằng sản xuất, cơ sở in xuất bản phẩm gửi kèm bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh về việc được giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở phải cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; trường hợp không cấp đổi giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

5.[11] Khi có sự thay đổi về người đứng đầu, cơ sở in xuất bản phẩm phải thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 32 Luật Xuất bản; trong trường hợp cơ sở in xuất bản phẩm có văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở có trách nhiệm cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.

Điều 15. Thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm theo các trường hợp quy định tại Khoản 8 Điều 32 Luật Xuất bản và Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP

---

[9] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

[10] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

[11] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

1. Thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm đối với các trường hợp quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 8 Điều 32 Luật Xuất bản, Điểm a Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP thực hiện như sau:

a) Việc thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm phải được thực hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông;

b) Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, thanh tra tại cơ sở in và lập biên bản. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, thanh tra có văn bản báo cáo cơ quan đã cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điểm b Khoản này, Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở phải có văn bản yêu cầu cơ sở in khắc phục nguyên nhân dẫn đến trường hợp bị thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm trong thời hạn 30 ngày;

d) Hết thời hạn 30 ngày, nếu cơ sở in không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến trường hợp bị thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Giám đốc Sở phải có quyết định thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm và yêu cầu cơ sở in nộp lại giấy phép đã cấp.

2. Thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm đối với trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP:

Hết thời hạn 06 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm mà cơ sở in không đầu tư đủ thiết bị và không gửi bản sao chứng từ mua, thuê mua thiết bị theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP, Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Giám đốc Sở phải có quyết định thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm và yêu cầu cơ sở in nộp lại giấy phép đã cấp.

Điều 16. Lưu giữ và quản lý hồ sơ nhận in xuất bản phẩm quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật Xuất bản

Người đứng đầu cơ sở in xuất bản phẩm phải tổ chức thực hiện lưu giữ và quản lý hồ sơ nhận in xuất bản phẩm trong 24 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng in. Hồ sơ phải lưu giữ gồm:

1. Đối với xuất bản phẩm của nhà xuất bản:

a) Bản chính quyết định xuất bản của giám đốc (tổng giám đốc) nhà xuất bản;

b) Bản chính hợp đồng chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm giữa cơ sở in và nhà xuất bản;

c) Bản chính phiếu duyệt bản thảo trong trường hợp bản thảo có phiếu duyệt kèm theo và một trong các loại bản thảo in trên giấy thông thường, trên giấy can, trên phim, bản thảo điện tử đáp ứng các quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2. Đối với tài liệu không kinh doanh được cấp giấy phép xuất bản:

a) Bản chính giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh;

b) Bản chính hợp đồng chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm giữa cơ sở in với cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh;

c) Bản thảo in trên giấy thông thường có đóng dấu của cơ quan cấp giấy phép xuất bản đối với tài liệu không kinh doanh.

3. Đối với xuất bản phẩm in gia công cho nước ngoài:

a) Bản chính giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài;

b) Bản thảo có đóng dấu của cơ quan cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài.

4. Trường hợp thực hiện hợp tác chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm theo quy định pháp luật, ngoài việc lưu giữ bản sao hồ sơ nhận in xuất bản phẩm theo từng trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, cơ sở in còn phải lưu giữ tài liệu sau đây:

a) Bản chính văn bản của tổ chức, cá nhân có xuất bản phẩm, tài liệu không kinh doanh chấp thuận cho các cơ sở in được hợp tác theo quy định của pháp luật;

b) Bản chính hợp đồng hợp tác chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm.

5.[12] ***(được bãi bỏ)***

6.[13] Hồ sơ nhận in xuất bản phẩm quy định tại các khoản từ 1 đến 4 Điều này, cơ sở in xuất bản phẩm phải lưu giữ đầy đủ bản chính theo hình thức bản giấy, trừ trường hợp bản chính là bản điện tử thì lưu giữ bằng hình thức điện tử (lưu giữ trên thiết bị lưu trữ dữ liệu, máy tính hoặc loại hình khác) bảo đảm thuận lợi cho việc truy cập, tra cứu khi cần thiết hoặc khi có yêu cầu phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra.

---

[12] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

[13] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

Chương IV
LĨNH VỰC PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM

Điều 17. Trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm quy định tại Điều 37 Luật Xuất bản

1. Trước khi hoạt động 15 ngày, cơ sở phát hành xuất bản phẩm là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là cơ sở phát hành) phải đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm theo từng trường hợp quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều 37 của Luật Xuất bản.

2.[14] Hồ sơ đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm được nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở.

3.[15] Hồ sơ được lập thành một (01) bộ (trừ trường hợp khi đã hoàn thành việc liên thông cơ sở dữ liệu chuyên ngành giữa các bộ, ngành, địa phương, cơ sở phát hành xuất bản phẩm không phải nộp thành phần hồ sơ quy định tại các điểm b, c và d Khoản này), gồm:

a) Đơn đề nghị đăng ký/đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm theo Mẫu số 35;

b) Bản sao giấy tờ sở hữu trụ sở hoặc hợp đồng thuê, mượn trụ sở để làm địa điểm kinh doanh;

c) Bản sao giấy tờ chứng minh được phép thường trú tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho người đứng đầu cơ sở phát hành có quốc tịch nước ngoài;

---

[14] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

[15] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

d) Bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ về phát hành xuất bản phẩm của người đứng đầu cơ sở phát hành do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm cấp.

Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến, thành phần hồ sơ quy định tại điểm b, điểm c và điểm d Khoản này là bản sao chứng thực điện tử.

4.[16] Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở phải cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm không còn giá trị trong trường hợp cơ sở phát hành xuất bản phẩm được sáp nhập, chia tách, giải thể hoặc phá sản.

Điều 18. Trình tự, thủ tục thông báo, đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm của cơ sở phát hành

1. Chậm nhất 10 ngày, kể từ ngày có một trong các thay đổi sau đây, cơ sở phát hành phải thông báo bằng văn bản, kèm theo giấy tờ chứng minh về sự thay đổi gửi đến Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở:

a) Thay đổi loại hình tổ chức;

b) Thay đổi người đứng đầu cơ sở phát hành;

c) Thay đổi địa điểm trụ sở chính, địa điểm chi nhánh, địa điểm kinh doanh trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2.[17] Chậm nhất 10 ngày, kể từ ngày có một trong các thay đổi sau đây, cơ sở phát hành xuất bản phẩm phải làm thủ tục đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm theo trình tự, thủ tục như quy định tại Điều 17 Thông tư này:

---

[16] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

[17] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a Khoản 8 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

a) Di chuyển trụ sở chính hoặc chi nhánh sang tỉnh, thành phố khác trực thuộc Trung ương;

b) Thành lập hoặc giải thể chi nhánh trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính;

c) Thành lập hoặc giải thể chi nhánh tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi không đặt trụ sở chính;

d) Giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm bị mất, bị hư hỏng.

3.[18] Khi có một hoặc nhiều thay đổi quy định tại Khoản 1 Điều này, cơ sở phát hành xuất bản phẩm phải gửi văn bản thông báo đến Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở; trường hợp cơ sở phát hành xuất bản phẩm có văn bản đề nghị cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm, Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở tiếp nhận hồ sơ và giải quyết theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 17 Thông tư này.

Điều 19. Hồ sơ, cách thức đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh quy định tại Điều 39 Luật Xuất bản

1.[19] Hồ sơ đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh gồm:

a) Đơn đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm theo Mẫu số 26;

b) Ba (03) bản danh mục xuất bản phẩm đăng ký nhập khẩu trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính; một (01) bản (tệp) danh mục xuất bản phẩm đăng ký nhập khẩu trong trường hợp nộp trực tuyến trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

---

[18] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b Khoản 8 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

[19] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

2.[20] Hồ sơ đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh được nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến theo hướng dẫn trên Cổng thông tin một cửa quốc gia đến Cục Xuất bản, In và Phát hành.

3. Trường hợp có sự thay đổi thông tin trong danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu đã được xác nhận đăng ký, cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm phải có văn bản báo cáo về nội dung thông tin thay đổi, đồng thời đăng ký những thông tin mới (nếu có) với Cục Xuất bản, In và Phát hành để xác nhận đăng ký bổ sung.

Điều 20. Thẩm định xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh có dấu hiệu vi phạm pháp luật quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều 41 Luật Xuất bản

1. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân không cung cấp được một (01) bản xuất bản phẩm để tổ chức thẩm định nội dung làm cơ sở cho việc quyết định cấp giấy phép nhập khẩu, Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở cấp giấy phép nhập khẩu một (01) bản/tên xuất bản phẩm và yêu cầu tổ chức, cá nhân nhập khẩu nộp để thẩm định nội dung.

Trường hợp cần thiết, Cục Xuất bản, In và Phát hành, Sở cấp giấy phép nhập khẩu bổ sung với số lượng xuất bản phẩm tối thiểu đủ để thẩm định nội dung.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được xuất bản phẩm nhập khẩu để thẩm định nội dung, Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở phải thành lập hội đồng thẩm định. Thành phần hội đồng, số lượng thành viên hội đồng và việc mời chuyên gia tham gia hội đồng thẩm định do Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành, Giám đốc Sở quyết định.

3. Thời gian thẩm định đối với từng xuất bản phẩm không quá 10 ngày, kể từ ngày hội đồng thẩm định được thành lập. Kết quả thẩm định được lập thành văn bản, trong đó xác định rõ nội dung xuất bản phẩm có hoặc không vi phạm Luật Xuất bản và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu, Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở xem

---

[20] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

xét kết quả thẩm định để cấp giấy phép nhập khẩu; trường hợp không cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm, Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do, trong đó có yêu cầu tổ chức, cá nhân phải tái xuất hoặc tiêu hủy xuất bản phẩm đã cấp giấy phép nhập khẩu quy định tại Khoản 1 Điều này.

Chương V
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI VIỆT NAM CỦA NHÀ XUẤT BẢN NƯỚC NGOÀI, CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM NƯỚC NGOÀI

Điều 21. Điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện khi có sự thay đổi

1. Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày thay đổi địa điểm đặt trụ sở, văn phòng đại diện phải có văn bản báo cáo về việc thay đổi với cơ quan cấp giấy phép thành lập.

2.[21] Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày có một trong các thay đổi về người đứng đầu, tên gọi, nội dung hoạt động, văn phòng đại diện phải làm thủ tục đề nghị điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện.

Hồ sơ đề nghị điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện được lập thành một (01) bộ bằng tiếng Việt (trường hợp hồ sơ bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng), nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Xuất bản, In và Phát hành, gồm có:

a) Đơn đề nghị điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép theo Mẫu số 40;

b) Bản sao Giấy phép thành lập văn phòng đại diện;

c) Bản sao bằng cử nhân hoặc các văn bằng giáo dục đại học khác của người đứng đầu văn phòng đại diện.

Trường hợp người đứng đầu văn phòng đại diện có quốc tịch nước ngoài còn phải nộp bản sao giấy tờ chứng minh được phép thường trú tại Việt Nam do cơ

---

[21] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 23/2024/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (khi hoàn thành việc liên thông cơ sở dữ liệu chuyên ngành giữa các bộ, ngành, địa phương, không phải nộp giấy tờ chứng minh được phép thường trú tại Việt Nam quy định tại điểm này).

3.[22] Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xuất bản, In và Phát hành có trách nhiệm xác nhận thông tin thay đổi vào giấy phép thành lập văn phòng đại diện; trường hợp không xác nhận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Điều 22. Trách nhiệm của văn phòng đại diện

1. Hoạt động theo đúng nội dung ghi trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp.

2. Không làm đại diện cho nhà xuất bản nước ngoài hoặc tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài khác.

3. Không thành lập, tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp hoặc thực hiện công việc trực tiếp tạo ra lợi nhuận tại Việt Nam.

4. Chấm dứt hoạt động khi nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản tại nước ngoài.

5. Niêm yết công khai tại trụ sở của văn phòng đại diện về việc chấm dứt hoạt động, đồng thời gửi văn bản thông báo về việc chấm dứt hoạt động đến Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan ít nhất 15 ngày trước ngày chấm dứt hoạt động.

6. Tuân thủ quy định của Luật Xuất bản, Nghị định số 195/2013/NĐ-CP Thông tư này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam về văn phòng đại diện.

Chương VI
XUẤT BẢN, PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM ĐIỆN TỬ

Điều 23. Giải pháp kỹ thuật kiểm soát bản quyền số trong hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử quy định tại Điểm đ Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP

---

[22] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

Nhà xuất bản và tổ chức, cá nhân phát hành xuất bản phẩm điện tử phải đáp ứng điều kiện về giải pháp kỹ thuật kiểm soát bản quyền số trong hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử quy định tại Điểm đ Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP:

1. Có thiết bị, phần mềm kỹ thuật chống can thiệp, thay đổi và sao chép trái phép một phần hoặc toàn bộ nội dung xuất bản phẩm điện tử.

2. Có biện pháp kỹ thuật xác thực tính hợp pháp của người sử dụng khi truy cập và sử dụng xuất bản phẩm điện tử và phải bảo đảm tính riêng tư, an toàn và bảo vệ thông tin cá nhân.

3. Có điều khoản thông báo về trách nhiệm chấp hành quy định của pháp luật về xuất bản và sở hữu trí tuệ đối với người sử dụng trước khi truy cập và sử dụng xuất bản phẩm điện tử.

Điều 24. Trách nhiệm thẩm định đề án và xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử quy định tại Điều 18 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề án hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử của nhà xuất bản, tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP, Cục Xuất bản, In và Phát hành có trách nhiệm xem xét sự phù hợp và khả năng đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP thể hiện trong đề án và có ý kiến thẩm định bằng văn bản. Trường hợp đề án không đúng mẫu hoặc không đủ thông tin theo mẫu quy định thì phải trả lại để nhà xuất bản, tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử, Cục Xuất bản, In và Phát hành có trách nhiệm kiểm tra việc đáp ứng các điều kiện trong đề án theo ý kiến thẩm định và có văn bản xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử cho nhà xuất bản, tổ chức, cá nhân; trường hợp không xác nhận đăng ký phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Điều 25. Định dạng số đối với xuất bản phẩm điện tử quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP

1. Định dạng số của xuất bản phẩm điện tử phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với phương tiện điện tử phổ biến và tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;

b) Định dạng cho phép thiết lập khả năng chống can thiệp, thay đổi và sao chép trái phép một phần hoặc toàn bộ nội dung xuất bản phẩm điện tử.

2. Nhà xuất bản, tổ chức, cá nhân phát hành xuất bản phẩm điện tử có trách nhiệm cung cấp thông tin chi tiết và cấu trúc định dạng số cho cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản khi có yêu cầu.

Điều 26. Định dạng số của xuất bản phẩm điện tử nộp lưu chiểu dưới dạng bản ghi trong thiết bị lưu trữ dữ liệu hoặc nộp lưu chiểu qua mạng Internet

Định dạng số của xuất bản phẩm điện tử nộp lưu chiểu dưới dạng bản ghi trong thiết bị lưu trữ dữ liệu hoặc nộp lưu chiểu qua mạng Internet quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP như sau:

1. Định dạng tệp tin của xuất bản phẩm điện tử được thể hiện dưới hình thức sách in, các loại lịch là "PDF"; dưới hình thức tranh, ảnh, bản đồ, áp - phích, tờ rời, tờ gấp là "JPEG"; dưới hình thức bản ghi âm có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách là "MP3"; dưới hình thức bản ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách là "MP4";

2. Việc chuyển định dạng khác của xuất bản phẩm điện tử sang định dạng quy định tại Khoản 1 Điều này phải bảo đảm không làm thay đổi nội dung của xuất bản phẩm điện tử.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[23]

---

[23] Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024 quy định như sau:

*"**Điều 4. Quy định chuyển tiếp***

Đối với thủ tục hành chính có ngày nộp hồ sơ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có kết quả giải quyết, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT cho đến khi có kết quả giải quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Thông tin và Truyền thông (qua Cục Xuất bản, In và Phát hành) để xem xét, giải quyết."

Điều 27. [24] ***(được bãi bỏ)***

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

2. Các văn bản quy phạm pháp luật sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

b) Thông tư số 42/2017/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Thông tin và Truyền thông (qua Cục Xuất bản, In và Phát hành) để xem xét, giải quyết./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số: 01/VBHN-BTTTT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2024

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng

---

[24] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024

PHỤ LỤC [25] *(được bãi bỏ)*

DANH MỤC 45 MẪU, BIỂU MẪU[26]

Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản
Mẫu số 02	Đề án thành lập nhà xuất bản
Mẫu số 03	Giấy phép thành lập nhà xuất bản
Mẫu số 04	Đơn đề nghị cấp đổi giấy phép thành lập nhà xuất bản
Mẫu số 05	Đơn đề nghị cấp/cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập
Mẫu số 06	Sơ yếu lý lịch
Mẫu số 07	Giấy đăng ký xuất bản
Mẫu số 08	Chứng chỉ hành nghề biên tập
Mẫu số 09	Giấy xác nhận đăng ký xuất bản
Mẫu số 10	Phiếu duyệt bản thảo
Mẫu số 11	Quyết định xuất bản/tái bản xuất bản phẩm
Mẫu số 12	Tờ khai nộp xuất bản phẩm lưu chiểu và nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam
Mẫu số 13	Quyết định phát hành xuất bản phẩm
Mẫu số 14	Đơn đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh
Mẫu số 15	Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh
Mẫu số 16	Giấy chấp thuận sử dụng tác phẩm, tài liệu để xuất bản, tái bản
Mẫu số 17	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in
Mẫu số 18	Đơn đề nghị cấp đổi/cấp lại giấy phép hoạt động in
Mẫu số 19	Giấy phép hoạt động in

[25] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

[26] Mẫu, biểu mẫu này được ban hành theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

Mẫu số 20	Đơn đề nghị cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài
Mẫu số 21	Giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài
Mẫu số 22	Đơn đề nghị Cấp/cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm
Mẫu số 23	Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ trong các lĩnh vực xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm
Mẫu số 24	Danh sách nhân viên thẩm định nội dung sách nhập khẩu
Mẫu số 25	Giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm
Mẫu số 26	Đơn đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh
Mẫu số 27	Danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu để kinh doanh
Mẫu số 28	Giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh
Mẫu số 29	Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh
Mẫu số 30	Danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh
Mẫu số 31	Giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh
Mẫu số 32	Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức triển lãm/hội chợ xuất bản phẩm
Mẫu số 33	Danh mục xuất bản phẩm để triển lãm/hội chợ
Mẫu số 34	Giấy phép Tổ chức triển lãm/hội chợ xuất bản phẩm
Mẫu số 35	Đơn đề nghị đăng ký/đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm
Mẫu số 36	Giấy xác nhận đăng ký/đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm
Mẫu số 37	Quyết định Thành lập Hội đồng thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu để kinh doanh
Mẫu số 38	Biên bản thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu
Mẫu số 39	Đơn đề nghị cấp/cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam
Mẫu số 40	Đơn đề nghị điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam
Mẫu số 41	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam
Mẫu số 42	Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (Kèm theo phụ lục)
Mẫu số 43	Đơn đăng ký hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử
Mẫu số 44	Đề án hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử
Mẫu số 45	Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử

Mẫu số 01

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../...	*..., ngày... tháng... năm...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Căn cứ các quy định của pháp luật về cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản;

Căn cứ nhu cầu, chức năng, nhiệm vụ của.....[(1)] đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét cấp Giấy phép thành lập nhà xuất bản với các thông tin như sau:

Tên nhà xuất bản dự kiến thành lập:.....

Tên giao dịch tiếng Anh *(nếu có):* .....

Loại hình tổ chức và hoạt động.....

Trụ sở tại: .....

Số điện thoại: ..... E-mail: .....

Tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ:.....

Đối tượng phục vụ: .....

[(1)]..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về thành lập và hoạt động nhà xuất bản sau khi được cấp giấy phép.

Kèm theo đơn này gồm: Đề án thành lập nhà xuất bản và các tài liệu liên quan ghi trong Đề án./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VT,....	**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC** *(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

[(1)] Ghi tên cơ quan, tổ chức có đơn đề nghị

Mẫu số 02

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)... **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày... tháng... năm...

ĐỀ ÁN
Thành lập nhà xuất bản[1]

1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản (cơ quan chủ quản): .....

- Trụ sở tại.....
- Điện thoại: ..... E-mail.....
- Loại hình tổ chức *(loại hình thuộc một trong các đối tượng được thành lập nhà xuất bản quy định tại Luật Xuất bản và các văn bản quy định chi tiết thi hành);* .....
- Tôn chỉ, mục đích hoạt động: .....

.....

2. Sự cần thiết phải thành lập nhà xuất bản *(nêu rõ lý do, nhu cầu phải thành lập nhà xuất bản)* .....

.....

3. Tên nhà xuất bản: (*tên tiếng Việt và tiếng Anh*) .....

.....

4. Tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của nhà xuất bản thành lập:

.....

5. Đối tượng phục vụ chủ yếu của nhà xuất bản: .....

.....

6. Xuất bản phẩm chủ yếu xuất bản:.....

.....

7. Trụ sở của nhà xuất bản do cơ quan chủ quản cấp:

- Địa chỉ: .....
- Tổng diện tích sử dụng:.....

8. Họ tên của những người được dự kiến bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo nhà xuất bản:

- Giám đốc hoặc Tổng giám đốc: .....
- Tổng biên tập:.....

---

[1] Đề án được lập thành bộ (quyển) gồm các nội dung trên và các giấy tờ kèm theo chứng minh có đủ điều kiện quy định tại Điều 13 Luật Xuất bản.

- Phó Giám đốc (nếu có):.....
- Phó Tổng biên tập (nếu có):.....

9. Loại hình tổ chức của nhà xuất bản *(ghi rõ doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện do Nhà nước là chủ sở hữu hoặc đơn vị sự nghiệp công lập)*.....

10. Tổng số vốn cơ quan chủ quản cấp cho nhà xuất bản:..... (VND)

- Bằng tiền:..... (VND)

Trong đó:

+ Vốn từ ngân sách nhà nước cấp: .....

+ Vốn thuộc sở hữu của cơ quan chủ quản: .....

- Tài sản cố định: .....
- Hình thức khác .....

11. Danh sách dự kiến biên tập viên của nhà xuất bản

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Số căn cước công dân	Quốc tịch	Chức vụ, nơi làm việc hiện tại	Trình độ							Đã được khen thưởng hoặc bị kỷ luật mức cao nhất (nếu có)
								Chính trị		Ngoại ngữ		Văn hóa	Chuyên môn nghiệp vụ		
								Trình độ	Hình thức đào tạo	Trình độ	Hình thức đào tạo		Trình độ	Hình thức đào tạo	
1															
2															
3															
4															
5															
...															

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Mẫu số 03

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.../GP-BTTTT

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP
Thành lập nhà xuất bản
(Cấp đổi lần thứ [1]...)

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018);

Căn cứ Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông);

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông);

Xét đơn và hồ sơ đề nghị cấp (hoặc cấp đổi) Giấy phép thành lập Nhà xuất bản..... [2] của..... [3];

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành.

CHO PHÉP:

1. [3]..... được thành lập *(hoặc được thay đổi thông tin thành lập)* nhà xuất bản.

Tên nhà xuất bản:..... Tên giao dịch tiếng Anh (nếu có):.....

Trụ sở tại: .....

Loại hình tổ chức và hoạt động của nhà xuất bản:.....

2. Nhà xuất bản [(2)]..... có tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ và xuất bản phẩm chủ yếu:

a) Tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ: .....

b) Đối tượng phục vụ:.....

c) Xuất bản phẩm chủ yếu: .....

d) Các xuất bản phẩm khác:.....

3..... [(3)] và Nhà xuất bản ....[(2)] có trách nhiệm thực hiện Luật Xuất bản, các quy định pháp luật có liên quan.

4. Giấy phép bị tẩy xóa, sửa chữa không có giá trị.

5. Giấy phép thành lập nhà xuất bản số... ngày... tháng... năm... không còn giá trị[(4)]

BỘ TRƯỞNG

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

[(1)] Ghi số lần thực hiện cấp đổi trong trường hợp đề nghị cấp đổi giấy phép.

[(2)] Ghi rõ tên nhà xuất bản dự kiến thành lập hoặc đề nghị cấp đổi giấy phép.

[(3)] Ghi rõ tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản hoặc cấp đổi giấy phép.

[(4)] Chỉ ghi mục này trong trường hợp cấp đổi giấy phép.

Mẫu số 04

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)... **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../... (nếu có)	*..., ngày... tháng... năm...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ[1]
Cấp đổi giấy phép thành lập nhà xuất bản

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Tên cơ quan, tổ chức đề nghị:.....

Trụ sở:.....

Số điện thoại: .....

Email:.....

Căn cứ Điều 15 Luật Xuất bản, đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông cấp đổi Giấy phép thành lập Nhà xuất bản..... cho cơ quan, tổ chức chúng tôi.

Nội dung đề nghị cấp đổi giấy phép:.....[2]

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về thành lập và hoạt động nhà xuất bản sau khi được cấp đổi giấy phép.

Kèm theo đơn này: Giấy phép thành lập Nhà xuất bản đã được cấp./.

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

---

[1] *Đơn do cơ quan chủ quản của nhà xuất bản lập.*

[2] *Ghi rõ nội dung thay đổi: Thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản nhà xuất bản, tên nhà xuất bản (tên tiếng Anh, tên tiếng Việt); thay đổi loại hình tổ chức và hoạt động của nhà xuất bản; thay đổi tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, xuất bản phẩm chủ yếu của nhà xuất bản.*

Mẫu số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp/Cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập

Kính gửi: Cục Xuất bản, In và Phát hành

Họ và tên:.....

Căn cước công dân số....., cấp ngày... tháng... năm..., nơi cấp.....

Điện thoại:.....Email (nếu có): .....

Đơn vị công tác:.....

Số chứng chỉ đã được cấp *(đối với trường hợp cấp lại)*:..... cấp ngày.....

Lý do đề nghị cấp lại (bị mất, hư hỏng hoặc bị thu hồi):.....

Kèm theo đơn này [1]:.....

Kính đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành xem xét và cấp chứng chỉ hành nghề biên tập cho tôi.

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

XÁC NHẬN[2] *(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*	*....., ngày..... tháng..... năm.....* **NGƯỜI LÀM ĐƠN** *(Ký và ghi rõ họ, tên)*

---

[1] Trường hợp cấp lần đầu: 02 ảnh (cỡ 3 x 4cm) và các giấy tờ tương ứng phù hợp với quy định của Khoản 1 Điều 20 Luật Xuất bản; Trường hợp cấp lại: 02 ảnh (cỡ 3 x 4 cm).

[2] Ghi ý kiến của lãnh đạo nhà xuất bản đối với biên tập viên thuộc nhà xuất bản hoặc của đối tác liên kết trong trường hợp biên tập viên thuộc đối tác liên kết.

Mẫu số 06

Dán ảnh
3 x 4 cm [1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH *(*)*

(Dùng cho người được dự kiến bổ nhiệm lãnh đạo nhà xuất bản/Người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề biên tập/Người đứng đầu cơ sở in/Người đứng đầu cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm)

1. Họ và tên:.....
2. Tên thường gọi.....
3. Căn cước công dân số..., cấp ngày... tháng... năm..., nơi cấp.....
4. Địa chỉ liên hệ:..... Điện thoại:.....
5. Ngày kết nạp vào Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh:...../...../.....
6. Ngày kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam:...../...../..... Ngày chính thức:.../..../.....
7. Tình trạng sức khỏe hiện nay: .....
8. Trình độ văn hóa:..... Trình độ ngoại ngữ: .....
9. Trình độ chuyên môn (đại học, trên đại học): ....[2]
10. Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật xuất bản, nghiệp vụ biên tập/nghiệp vụ quản lý hoạt động in/nghiệp vụ phát hành xuất bản phẩm: Số..... ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....[3]
11. Chứng chỉ hành nghề biên tập số:..... ngày cấp:...../...../.....[4]
12. Nơi công tác:..... Chức vụ:..... .....[5]

13. QUAN HỆ GIA ĐÌNH

(Gồm: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột)

Số TT	Họ và tên	Quan hệ	Năm sinh		Số căn cước công dân	Nghề nghiệp, làm gì, ở đâu?
			Nam	Nữ		
1						
2						
3						
...						

14. QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN (6)

Từ tháng năm đến tháng năm	Làm công tác gì?	Ở đâu?	Ghi chú

15. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Khen thưởng: .....

.....

Kỷ luật:.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước những lời khai trên.

Xác nhận của địa phương hoặc cơ quan, đơn vị công tác
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

....., ngày..... tháng... năm.....
Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người khai Sơ yếu lý lịch có trách nhiệm khai đầy đủ vào nội dung các mục trong Sơ yếu lý lịch và chịu trách nhiệm về những lời khai của mình;

(*) Đối với Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in, cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm không bắt buộc phải khai các mục 5, 6, 11.

(1) Dán ảnh (3cm x 4cm) và có đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận;

(2) Ghi chính xác trình độ chuyên môn: cử nhân, thạc sỹ, tiến sỹ và chuyên ngành đào tạo;

(3) Tùy người khai thuộc đối tượng nào thì ghi chính xác một trong ba loại giấy chứng nhận quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 20, Điểm đ Khoản 2 Điều 32, Điểm b Khoản 3 Điều 38 Luật Xuất bản;

(4) Đối với trường hợp bổ nhiệm tổng biên tập nhà xuất bản và cấp chứng chỉ hành nghề biên tập;

(5) Khai chính xác lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ và chức danh tại cơ quan, tổ chức;

(6) Khai đầy đủ quá trình hoạt động của bản thân từ khi học đại học.

Mẫu số 07

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN...
TÊN NHÀ XUẤT BẢN...

Số:.../...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm....

GIẤY ĐĂNG KÝ XUẤT BẢN

Kính gửi: Cục Xuất bản, In và Phát hành

STT	**Tên xuất bản phẩm**	**Tác giả hoặc người biên soạn**	**Người dịch hoặc người biên dịch**	**Ngôn ngữ xuất bản**	**Xuất bản lần đầu**	**Tái bản** (*ghi năm và tên NXB đã XB lần gần nhất*)	**Xuất bản phẩm điện tử** *(ghi rõ tên địa chỉ website hoặc nhà cung cấp)*	**Thể loại** *(ghi thể loại sáng tác)*	**Tóm tắt nội dung, chủ đề, đề tài** *(ghi số xác nhận đã được cấp đối với XBP đăng ký lại)*	**Số lượng in**	**Phương thức xuất bản**		**Mã số ISBN** *(ghi mã số ISBN đã được cấp đối với XBP đăng ký lại)*
											Tự xuất bản	Liên kết *(ghi tên, địa chỉ đối tác liên kết)*	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	I. Chính trị, An ninh quốc phòng, Pháp luật												
1													
2													
	II. Khoa học tự nhiên, Công nghệ, Kỹ thuật												
...													
...													
	III. Kinh tế												
...													
...													

STT	Tên xuất bản phẩm	Tác giả hoặc người biên soạn	Người dịch hoặc người biên dịch	Ngôn ngữ xuất bản	Xuất bản lần đầu	Tái bản (*ghi năm và tên NXB đã XB lần gần nhất*)	Xuất bản phẩm điện tử *(ghi rõ tên địa chỉ website hoặc nhà cung cấp)*	Thể loại *(ghi thể loại sáng tác)*	Tóm tắt nội dung, chủ đề, đề tài *(ghi số xác nhận đã được cấp đối với XBP đăng ký lại)*	Số lượng in	Phương thức xuất bản		Mã số ISBN *(ghi mã số ISBN đã được cấp đối với XBP đăng ký lại)*
											Tự xuất bản	Liên kết *(ghi tên, địa chỉ đối tác liên kết)*	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	IV. Khoa học xã hội, Văn hóa nghệ thuật												
...													
	V. Tôn giáo												
...													
...													
	VI. Văn học												
...													
...													
	VII. Thiếu niên, Nhi đồng, Truyện tranh												
...													
...													
	VIII. Giáo khoa, Giáo trình, Tham khảo giáo dục												
...													
...													
	IX. Từ điển												
..													
...													

STT	Tên xuất bản phẩm	Tác giả hoặc người biên soạn	Người dịch hoặc người biên dịch	Ngôn ngữ xuất bản	Xuất bản lần đầu	Tái bản (*ghi năm và tên NXB đã XB lần gần nhất*)	Xuất bản phẩm điện tử *(ghi rõ tên địa chỉ website hoặc nhà cung cấp)*	Thể loại *(ghi thể loại sáng tác)*	Tóm tắt nội dung, chủ đề, đề tài *(ghi số xác nhận đã được cấp đối với XBP đăng ký lại)*	Số lượng in	Phương thức xuất bản		Mã số ISBN *(ghi mã số ISBN đã được cấp đối với XBP đăng ký lại)*
											Tự xuất bản	Liên kết *(ghi tên, địa chỉ đối tác liên kết)*	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	X. Loại khác												
...													
...													

GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC)
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Lưu ý:

- Giấy đăng ký xuất bản này sử dụng trong các trường hợp: Đăng ký mới, đăng ký lại khi có sự thay đổi về thông tin của xuất bản phẩm đã được xác nhận ký;

- Phải sắp xếp thông tin của xuất bản phẩm chính xác theo phân loại và các cột thông tin; không sai lỗi chính tả;

- Mỗi số thứ tự chỉ đăng ký tương ứng 01 xuất bản phẩm. Nếu xuất bản phẩm có nhiều tập thì ghi đầy đủ thông tin từng tập cụ thể theo từng số thứ tự;

- Bản mềm sử dụng kiểu chữ Times New Roman được định dạng Excel.

Mẫu số 08

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ BIÊN TẬP

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ BIÊN TẬP

Ảnh

(3 x 4 cm)

CỤC TRƯỞNG
CỤC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH

Cấp cho ông (bà):.....

Căn cước công dân số:.....

Nơi làm việc:.....

.....

Được hành nghề biên tập theo quy định của pháp luật về xuất bản./.

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

CỤC TRƯỞNG

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Số CCHNBT:.....

(Chứng chỉ hành nghề biên tập số.... ngày.... tháng... năm... không còn giá trị [1]

[1] Chỉ ghi mục này trong trường hợp cấp lại Chứng chỉ do bị mất hoặc bị hư hỏng.

Mẫu số 09

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **CỤC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../XN-CXBIPH	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

GIẤY XÁC NHẬN
Đăng ký xuất bản

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018);

Căn cứ Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông);

Căn cứ Giấy phép thành lập nhà xuất bản.....;

Xét Giấy đăng ký xuất bản số..... ngày... tháng... năm... của Nhà xuất bản...,

XÁC NHẬN:

1. Giấy đăng ký xuất bản số.... ngày... tháng... năm... của Nhà xuất bản đã đăng ký tại Cục Xuất bản, In và Phát hành, với tổng số tên xuất bản phẩm được xác nhận:... tên xuất bản phẩm *(có danh mục chi tiết kèm theo).*

2. Số xác nhận đăng ký xuất bản ghi trên xuất bản phẩm là:

M-năm xuất bản/CXBIPH/i-Y/tên nhà xuất bản *(viết tắt)*[1]

---

[1] *Cách ghi như sau:*

*- **M** là số quản lý xác nhận đăng ký xuất bản của Cục Xuất bản, In và Phát hành;*

3. Tên xuất bản phẩm từ chối xác nhận (nếu có):

4. Yêu cầu (nếu có):

-.....

5. Giấy xác nhận này có giá trị thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm... (*Trường hợp Giấy xác nhận này được cấp trong tháng 12 của năm đăng ký, nhà xuất bản được sử dụng để thực hiện xuất bản đến hết ngày 30 tháng 3 của năm liền sau).*

CỤC TRƯỞNG

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Nơi nhận:
- Nhà xuất bản....
- Lưu: VT,....

---

*- **i** là số thứ tự của xuất bản phẩm trong danh mục xác nhận đăng ký xuất bản của Cục Xuất bản, In và Phát hành;*

*- **Y** là số công văn trong đơn đăng ký xuất bản của nhà xuất bản;*

Ví dụ: 1153-2014/CXBIPH/18-45/KĐ là số đăng ký xuất bản được ghi trên một xuất bản phẩm của Nhà xuất bản Kim Đồng.

Mẫu số 10

CƠ QUAN CHỦ QUẢN... **NHÀ XUẤT BẢN...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../....	*..., ngày... tháng...năm...*

PHIẾU DUYỆT BẢN THẢO

Tên bản thảo: .....

Tác giả:..... - Người dịch:.....

Số lượng trang (hoặc dung lượng bản thảo điện tử):.....[(1)]

Khuôn khổ (hoặc định dạng số bản thảo điện tử):.....[(2)]

Lần xuất bản: .....

Họ tên biên tập viên của nhà xuất bản:..... - Lần biên tập: .....

Dự kiến số lượng in:..... bản..... - Dự kiến in tại:.....

Dự kiến đăng tải trên website hoặc phương tiện điện tử:.....

Tên đối tác liên kết (nếu có): .....

Số hợp đồng liên kết (nếu có):..... ngày..... tháng..... năm.....

Tên biên tập viên của đối tác liên kết (nếu liên kết biên tập sơ bộ):.....

1. Ý kiến Biên tập viên nhà xuất bản

- Tóm tắt nội dung bản thảo:..... - Ý kiến đề xuất *(đồng ý biên tập hoặc từ chối biên tập vì lý do):*	Ký và ghi rõ họ tên

2. Ý kiến Trưởng ban biên tập (nếu có)

- Ý kiến đề xuất *(đồng ý hoặc ý kiến khác)*:.....	Ký và ghi rõ họ tên

---

(1) *Ghi rõ số lượng trang bản thảo hoặc dung lượng đối với bản thảo điện tử theo đơn vị tính "byte";*

(2) *Ghi rõ khuôn khổ theo đơn vị tính "centimet" (cm) hoặc tên định dạng số của bản thảo điện tử;*

3. Ý kiến Tổng biên tập

- Ý kiến đề xuất *(đồng ý hoặc ý kiến khác)*:.....	Ký và ghi rõ họ tên

4. Ý kiến của Giám đốc (Tổng giám đốc)[3]

Đồng ý hoặc ý kiến khác: .....

5. Phiếu này được lập thành 02 bản, 01 bản lưu tại nhà xuất bản, 01 lưu tại cơ sở in hoặc tại cơ sở đăng tải đối với xuất bản phẩm điện tử[4]

GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC)
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

---

[3] *Giám đốc (tổng giám đốc) nhà xuất bản chỉ có ý kiến sau khi có đầy đủ ý kiến của Biên tập viên nhà xuất bản, Trưởng ban biên tập (nếu có) và Tổng biên tập.*

[4] *Kèm theo phiếu này là bản thảo điện tử được định dạng không cho phép can thiệp, sửa đổi.*

Mẫu số 11

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN NHÀ XUẤT BẢN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../QĐ-NXB...	*..., ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Xuất bản/tái bản xuất bản phẩm

GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) NHÀ XUẤT BẢN...

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018);

Căn cứ Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông);

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông);

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký xuất bản số... ngày... tháng... năm... của Cục Xuất bản, In và Phát hành;

Theo đề nghị của Tổng biên tập.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xuất bản/tái bản xuất bản phẩm có tên:.....

- Tác giả, dịch giả (nếu có):.....

- Ngôn ngữ xuất bản: .....

- Khuôn khổ:.... cm x... cm hoặc định dạng tệp tin:.....

- Số trang của xuất bản phẩm in:..... trang hoặc dung lượng của xuất bản phẩm điện tử (byte):.....

- Số lượng in (bản):.....

- Đối tác liên kết xuất bản:.....

- Tên biên tập viên:.....

- Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN (nếu có).....

Điều 2. Số xác nhận đăng ký xuất bản ghi trên xuất bản phẩm:

... -... /CXBIPH/... -.../...

Điều 3. Xuất bản phẩm được in/đăng tải tại:.....

Địa chỉ:..... *(ghi đầy đủ tên và địa chỉ của từng cơ sở in hoặc tên website đăng tải hoặc nhà cung cấp xuất bản phẩm điện tử).*

Điều 4. Quyết định này được lập thành 02 (hai) bản, 01 (một) bản lưu tại nhà xuất bản, 01 (một) bản lưu tại cơ sở in (hoặc đơn vị thực hiện đăng tải xuất bản phẩm điện tử).

Quyết định này có giá trị thực hiện 01 (một) lần đến ngày 31 tháng 12 năm.....[(1)], trường hợp bị tẩy xóa, sửa chữa, photocopy không có giá trị thực hiện./.

GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC)

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lưu: VT....

[(1)] *Ghi năm được xác nhận đăng ký xuất bản. Đối với trường hợp nhà xuất bản được cấp Giấy xác nhận đăng ký xuất bản trong tháng 12 của năm được xác nhận đăng ký xuất bản, có thể ghi thời hạn có giá trị không quá ngày 30 tháng 3 của năm liền sau năm được cấp Giấy xác nhận đăng ký xuất bản.*

Mẫu số 12

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (NẾU CÓ) **NHÀ XUẤT BẢN/CƠ QUAN, TỔ CHỨC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../...	*..., ngày... tháng... năm...*

TỜ KHAI
Nộp xuất bản phẩm lưu chiểu
và nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam

Kính gửi:.....

1. Tên xuất bản phẩm:.....
2. Tên tác giả:.....; Tên dịch giả, biên dịch (nếu có);.....
3. Họ và tên biên tập viên:.....
4. Số xác nhận đăng ký xuất bản hoặc số giấy phép xuất bản:... ngày... tháng... năm...
5. Số Quyết định xuất bản (nếu có):..... ngày... tháng..... năm.....
6. Số tập:.....
7. Lần xuất bản:.....
8. Ngôn ngữ dịch (nếu là sách dịch):.....
9. Ngôn ngữ xuất bản:.....
10. Số lượng trang in (hoặc số byte dung lượng):..... trang (..... byte)
11. Khuôn khổ hoặc định dạng tệp:.....
12. Số lượng in:..... bản
13. Tên và địa chỉ cơ sở in *(nếu chế bản, in, gia công sau in tại nhiều cơ sở in phải ghi đủ thông tin của từng cơ sở in)*:.....
14. Giá bán lẻ trên xuất bản phẩm (nếu có):.....
15. Địa chỉ website đăng tải hoặc tên nhà cung cấp xuất bản phẩm điện tử:.....
16. Tên và địa chỉ của đối tác liên kết xuất bản (nếu có).....
17. Mã số sách chuẩn quốc tế - ISBN (nếu có).....

NGƯỜI NỘP XUẤT BẢN PHẨM *(Ký tên, ghi rõ họ tên)*	**GIÁM ĐỐC/TGĐ NXB** **(NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CQ, TC)** *(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*
NGƯỜI NHẬN XUẤT BẢN PHẨM Đã nhận đủ số lượng xuất bản phẩm theo quy định của Luật Xuất bản[1] *(Ký tên, ghi rõ họ tên)*	**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN NHẬN XUẤT BẢN PHẨM** *..., ngày... tháng... năm...* *(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

[1] *Xuất bản phẩm có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật thì chỉ nộp Tờ khai.*

Mẫu số 13

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN... **TÊN NHÀ XUẤT BẢN...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../QĐPH-NXB...	*..., ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Phát hành xuất bản phẩm

GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) NHÀ XUẤT BẢN...

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018);

Căn cứ Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông);

Sau khi nộp xuất bản phẩm lưu chiểu theo quy định (Tờ khai nộp xuất bản phẩm lưu chiểu và nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam số:... ngày... tháng... năm...),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phát hành xuất bản phẩm:

- Tên xuất bản phẩm:.....
- Tên tác giả:..... ...; Tên dịch giả, biên dịch (nếu có);.....

Mẫu số 13

- Số xác nhận đăng ký xuất bản:.....
- Quyết định xuất bản số:..... ngày..... tháng..... năm.....
- Số tập:.....; Lần xuất bản:.....
- Số lượng trang in (hoặc số byte dung lượng):..... trang (..... byte)
- Khuôn khổ hoặc định dạng tệp:.....
- Số lượng in: ..... bản.
- Tên và địa chỉ từng cơ sở in *(nếu chế bản, in tại, gia công sau in tại nhiều cơ sở in)*.....
- Tên và địa chỉ của đối tác liên kết xuất bản (nếu có).....
- Mã số sách chuẩn quốc tế - ISBN (nếu có):.....
- Tên và địa chỉ website đăng tải/Tên nhà cung cấp thiết bị chứa xuất bản phẩm điện tử:.....
- Giá bán lẻ ghi trên xuất bản phẩm (nếu có):.....

Điều 2. Xuất bản phẩm tại Điều 1 được phát hành trong phạm vi:.....

Điều 3. Bộ phận phụ trách kinh doanh/Đối tác liên kết (nếu có) và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT....

GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC)
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Mẫu số 14

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)... **TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../... (nếu có)	*..., ngày... tháng... năm...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh

Kính gửi: ..... (1)

1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản:

2. Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp); Số quyết định thành lập (đối với đơn vị sự nghiệp công lập); Số giấy phép hoạt động (đối với cơ quan, tổ chức nước ngoài)(2)

Cơ quan cấp..... ngày..... tháng.... năm.....

3. Địa chỉ:.....

Số điện thoại: .....

Email:.....

4. Tên tài liệu: .....

5. Xuất xứ (nếu là tài liệu dịch từ tiếng nước ngoài):.....

Người dịch (cá nhân hoặc tập thể):.....

6. Hình thức tài liệu: .....

7. Số trang (hoặc dung lượng - byte):..... Phụ bản (nếu có): .....

8. Khuôn khổ (định dạng):..... cm. Số lượng in:..... bản

9. Ngôn ngữ xuất bản:.....

---

(1) *Cơ quan, tổ chức ở trung ương và tổ chức nước ngoài gửi hồ sơ đến Cục Xuất bản, In và Phát hành - Bộ Thông tin và Truyền thông; cơ quan, tổ chức tại địa phương gửi hồ sơ đến Sở TTTT sở tại;*

(2) *Trường hợp cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép là cơ quan Đảng, Nhà nước không bắt buộc phải ghi các thông tin quy định tại mục này.*

10. Tên, địa chỉ cơ sở in:.....

11. Mục đích xuất bản: .....

12. Nội dung tóm tắt của tài liệu: .....

13. Kèm theo đơn này gồm:.....[3]

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng nội dung giấy phép xuất bản, thực hiện việc in/đăng tải đúng nội dung tài liệu tại cơ sở in có giấy phép in xuất bản phẩm và tuân thủ các quy định pháp luật về xuất bản, sở hữu trí tuệ./.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CHỦ QUẢN HOẶC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN[4] *(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*	**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN/ TỔ CHỨC** *(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

[3] *Ghi rõ trong đơn các tài liệu đính kèm quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT.*

[4] *Phần này áp dụng đối với tài liệu không kinh doanh là kỷ yếu hội thảo, hội nghị, ngành nghề (trừ trường hợp cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép là cơ quan Đảng, Nhà nước).*

Mẫu số 15

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....[1] **TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP....[2]**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../GP-[3]...	*..., ngày... tháng... năm...*

GIẤY PHÉP
Xuất bản tài liệu không kinh doanh

CỤC TRƯỞNG.../GIÁM ĐỐC SỞ...

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018);

Căn cứ Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông);

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xuất bản ngày... tháng... năm... của...[4],

CHO PHÉP:

1. Cơ quan, tổ chức:.....

Được xuất bản tài liệu:.....

- Số trang (dung lượng):..... Phụ bản (nếu có):.....

---

[1] Tên cơ quan chủ quản trực tiếp: Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc UBND tỉnh, thành phố.
[2] Tên cơ quan QLNN có thẩm quyền cấp phép: Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở.
[3] Chữ viết tắt tên cơ quan QLNN có thẩm quyền cấp phép.
[4] Ghi đầy đủ tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép.

- Khuôn khổ (định dạng):..... cm. Số lượng in:..... bản

- Ngôn ngữ xuất bản:.....

- Tên, địa chỉ cơ sở in xuất bản phẩm/website đăng tải: .....

- Mã số sách quốc tế (ISBN): .....

- Mục đích xuất bản: .....

2. Trước khi phát hành, cơ quan, tổ chức được phép xuất bản phải nộp lưu chiểu theo quy định tại Điều 28 Luật Xuất bản 2012.

3. Cơ quan, tổ chức được phép xuất bản phải chấp hành nghiêm chỉnh Luật Xuất bản; các quy định tại mục 1 và 2 giấy phép này; in đúng bản thảo có đóng dấu của cơ quan cấp giấy phép tại cơ sở in có giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; không được tẩy xóa, sửa chữa hoặc chuyển nhượng giấy phép này cho tổ chức, cá nhân khác dưới mọi hình thức.

Giấy phép này có giá trị trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày ký./.

CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Mẫu số 16

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHẤP THUẬN[1]
Sử dụng tác phẩm, tài liệu để xuất bản, tái bản

- Họ và tên tác giả/chủ sở hữu quyền tác giả[2]:.....

- Số căn cước công dân/Hộ chiếu/Số quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với cơ quan, tổ chức):..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: .....Fax:..... Email:.....

Với tư cách là tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, tôi (chúng tôi) đồng ý[3]:

- Tổ chức/cá nhân:.....

- Số căn cước công dân/Hộ chiếu/Số quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với cơ quan, tổ chức):..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại:.....Fax:..... Email:.....

Được xuất bản tác phẩm, tài liệu (tái bản xuất bản phẩm) sau đây[4]:

- Tên tác phẩm, tài liệu, xuất bản phẩm: .....

- Số giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả (nếu có):..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

- Số trang bản thảo (bản mẫu):..... ..... Khổ giấy/Định dạng:.....

- Họ và tên tác giả:..... Bút danh (nếu có):.....

---

[1] Giấy chấp thuận này được sử dụng trong trường hợp không có hợp đồng sử dụng tác phẩm theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

[2] Trường hợp có nhiều tác phẩm, nhiều tác giả thì phải lập danh mục chi tiết kèm theo.

[3] Nếu là tổ chức, ghi rõ họ tên và chức vụ của người đại diện theo pháp luật.

[4] Trường hợp có đồng tác giả hoặc đồng chủ sở hữu quyền tác giả phải kèm theo văn bản ủy quyền cho người đại diện ký tên tại Giấy chấp thuận này.

- Ngôn ngữ xuất bản:..... Phương thức xuất bản (in, điện tử):.....

- Số lượng bản in:..... - Phương tiện điện tử hoặc website đăng tải:.....

- Thời gian thực hiện xuất bản (tái bản): từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm..... hoặc không hạn chế.

- Số lần xuất bản, tái bản:..... (hoặc không hạn chế)...

- Số tập:..... Thông tin khác (nếu có):.....

Đề nghị..... tuân thủ đúng quy định pháp luật về xuất bản, sở hữu trí tuệ và nội dung của Giấy chấp thuận này./.

...ngày... tháng... năm...

TÁC GIẢ/CHỦ SỞ HỮU QUYỀN TÁC GIẢ
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu là tổ chức)

Mẫu số 17

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:... /... (nếu có)

..., ngày... tháng... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép hoạt động in

Kính gửi:.....[1]

1. Tên đơn vị đề nghị cấp giấy phép:.....[2]

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại: .... Email:.....

4. Mã số doanh nghiệp/hộ kinh doanh:.....

5. Quyết định thành cơ sở in là đơn vị sự nghiệp công lập số..... ngày..... tháng..... năm....., nơi cấp.....

Đề nghị quý cơ quan xem xét cấp giấy phép hoạt động in với các thông tin sau:

- Tên cơ sở in:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....[3]
- Điện thoại: .....Email: ....
- Địa chỉ chi nhánh và xưởng sản xuất (nếu có):.....[4]
- Điện thoại: .... Email:.....
- Họ tên người đứng đầu cơ sở in.....
- Căn cước công dân số....., cấp ngày... tháng... năm..., nơi cấp.....
- Chức vụ:.....
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in:.....[5]

6. Nội dung đề nghị cấp phép hoạt động: Chế bản/in/gia công sau in xuất bản phẩm[6].

- Mục đích hoạt động.....[7]

---

[1] Ghi tên cơ quan cấp giấy phép.

[2] Ghi tên cơ sở in đề nghị cấp phép. Trường hợp cơ sở in là đơn vị sự nghiệp công lập không có pháp nhân thì ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp.

[3] Ghi theo địa chỉ trụ sở chính trên giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập.

[4] Ghi theo địa chỉ chi nhánh/xưởng sản xuất trên giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp để thực hiện chế bản, in, gia công sau in. Trường hợp có nhiều địa chỉ sản xuất (chi nhánh) thì ghi lần lượt, đầy đủ từng địa chỉ.

[5] Ghi đầy đủ họ và tên, quốc tịch của toàn bộ cá nhân và tổ chức là đồng chủ sở hữu tính đến thời điểm nộp đơn (có thể lập thành danh mục kèm theo).

[6] Ghi từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in phù hợp với tính năng thiết bị in của cơ sở in.

[7] Ghi rõ là kinh doanh hoặc không kinh doanh (phục vụ nội bộ).

Mẫu số 17

7. Danh mục thiết bị in *(Chế bản, in, gia công sau in)*

Số TT	Tên thiết bị *(Ghi tiếng Việt và theo công nghệ)*	Hãng sản xuất	Model	Số định danh thiết bị (Số máy)	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng *(chiếc)*	Chất lượng *(Mới 100% hoặc đã qua sử dụng tại thời điểm đầu tư)*	Tính năng sử dụng *(chế bản, in, gia công sau in)*	Số, ngày, tháng, năm của Hóa đơn mua thiết bị[8]

8. Tài liệu chứng minh về việc có mặt bằng sản xuất gồm: Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh về việc được giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng số... ngày... tháng... năm... nơi cấp.....

9. Kèm theo đơn này gồm các giấy tờ sau đây:

- Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in (bản chính);

- Bản sao một trong các loại giấy: chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập cơ sở in còn hiệu lực tính đến thời điểm nộp đơn;

- Bản sao văn bằng do cơ sở đào tạo chuyên ngành in cấp hoặc bản sao giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in xuất bản phẩm do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp;

- Bản sao giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh - trật tự.

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị cấp phép và cam kết chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động in xuất bản phẩm./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/
chữ ký số của cơ quan, tổ chức

---

[8] *Trường hợp thiết bị in nhập khẩu trong giai đoạn mà pháp luật không quy định phải có giấy phép khi nhập khẩu thì ghi năm nhập khẩu theo chứng từ hải quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khai năm nhập khẩu đó.*

Mẫu số 18

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.../... (nếu có) *..., ngày... tháng...năm....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp đổi/cấp lại giấy phép hoạt động in

Kính gửi:.....[1]

1. Tên đơn vị đề nghị:.....[2]

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại: .... Email:.....

4. Mã số doanh nghiệp/hộ kinh doanh:.....

5. Quyết định thành lập đối với cơ sở in là đơ vị sự nghiệp công lập số..... ngày..... tháng..... năm....., nơi cấp.....

6. Cơ sở in đã được cấp giấy phép hoạt động in số:... ngày... tháng... năm..... do.....

Hiện nay, do đơn vị có sự thay đổi thông tin/bị mất/bị hư hỏng giấy phép hoạt động in (ghi cụ thể từng trường hợp):.....

Để đảm bảo cơ sở in hoạt động đúng quy định của pháp luật, đề nghị quý cơ quan xem xét cấp đổi/cấp lại giấy phép hoạt động in cho cơ sở in theo các thông tin thay đổi sau:

- Tên cơ sở in: .....

---

[1] Ghi tên cơ quan cấp giấy phép.

[2] Ghi tên cơ sở in đề nghị cấp phép. Trường hợp cơ sở in là đơn vị sự nghiệp công lập không có pháp nhân thì ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp.

[3] Ghi theo địa chỉ trụ sở chính trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp.

[4] Ghi theo địa chỉ chi nhánh/xưởng sản xuất trên giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp để thực hiện chế bản, in, gia công sau in. Trường hợp có nhiều địa chỉ sản xuất (chi nhánh) thì ghi lần lượt, đầy đủ từng địa chỉ.

[5] Ghi đầy đủ họ và tên, quốc tịch của toàn bộ cá nhân và tổ chức là đồng chủ sở hữu tính đến thời điểm nộp đơn (có thể lập thành danh mục kèm theo).

Mẫu số 18

- Địa chỉ trụ sở chính:.....[3]
- Điện thoại: .... Email:.....
- Địa chỉ chi nhánh và xưởng sản xuất:.....[4]
- Điện thoại: .... Email:.....
- Họ tên người đứng đầu cơ sở in:.....
- Căn cước công dân số:....., cấp ngày... tháng... năm..., nơi cấp.....
- Chức vụ:.....
- Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu cơ sở in:.....[5]
- Nội dung hoạt động chế bản/in/gia công sau in đề nghị được cấp phép:.....[6]
- Mục đích hoạt động.....[7]

7. Thay đổi về thiết bị in (nếu có).....[8]

8. Thay đổi về địa điểm, mặt bằng sản xuất (nếu có).....[9]

Đơn vị gửi kèm theo đơn này các tài liệu liên quan đến thay đổi thông tin/mất/hỏng giấy phép hoạt động in theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị cấp phép và cam kết chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hoạt động in xuất bản phẩm./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

---

[6] Ghi từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in phù hợp với tính năng thiết bị in của cơ sở in.

[7] Ghi rõ là kinh doanh hoặc không kinh doanh (phục vụ nội bộ).

[8] Nếu có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) về thiết bị so với lần cấp phép trước đó thì kê khai đầy đủ thông tin của thiết bị thay đổi: Tên, hãng sản xuất, model, số máy, nước sản xuất, năm sản xuất, chất lượng, tính năng sử dụng; số, ngày, tháng, năm hóa đơn mua, bán hàng và giấy phép nhập khẩu (nếu thiết bị nhập khẩu trong thời gian quy định phải có giấy phép. Trường hợp thiết bị in nhập khẩu trong giai đoạn mà pháp luật không quy định phải có giấy phép khi nhập khẩu thì ghi năm nhập khẩu theo chứng từ hải quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khai năm nhập khẩu đó.).

[9] Nếu có sự thay đổi về địa điểm, mặt bằng sản xuất so với lần cấp phép trước đó thì kê khai lại theo địa chỉ đăng ký thay đổi trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập đối với cơ sở in sự nghiệp công lập.

Mẫu số 19

TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../GP- [1] ...	*..., ngày... tháng... năm...*

GIẤY PHÉP
Hoạt động in

CỤC TRƯỞNG.../GIÁM ĐỐC SỞ...

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018);

Căn cứ Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 25/2018/NĐ-CP và Nghị định số 72/2022/NĐ-CP)[2]

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông);

Xét đơn đề nghị của.....;

CHO PHÉP:

1. Cơ sở in.....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

---

[1] *Chữ viết tắt tên cơ quan cấp phép.*

[2] *Chỉ ghi mục này trong trường hợp cơ sở in có đủ điều kiện hoạt động in xuất bản phẩm và báo, tạp chí, các ấn phẩm báo chí khác theo quy định của pháp luật về báo chí, tem chống giả thì có thể (không bắt buộc) cấp chung trên một giấy phép.*

Mẫu số 19

- Địa chỉ từng chi nhánh/xưởng sản xuất:.....
- Họ và tên người đứng đầu:..... - Chức vụ:.....
- Căn cước công dân số....., cấp ngày... tháng... năm..., nơi cấp.....

2. Được phép chế bản/in/gia công sau in:..... xuất bản phẩm.....[(3)]

3. Giấy phép hoạt động in số.... ngày... tháng... năm... không còn giá trị[(4)].

CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Nơi nhận:
- Cơ sở in xuất bản phẩm;
- Cục XBIPH/Sở TTTT (để thông báo);
- Lưu: VT.

[(3)] Ghi cụ thể từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in tương ứng với tính năng sử dụng của thiết bị trong đơn đề nghị cấp phép. Trường hợp cấp chung trên một giấy phép (bao gồm hoạt động in: báo, tạp chí, các ấn phẩm báo chí khác theo quy định của pháp luật về báo chí, tem chống giả thì ghi thêm các loại sản phẩm in này).

[(4)] Chỉ ghi mục này trong trường hợp cấp đổi/cấp lại Giấy phép hoạt động in.

Mẫu số 20

TÊN CƠ SỞ IN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Số:.../... (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài

Kính gửi: .....[1]

1. Tên cơ sở in: .....
Địa chỉ:.....
Số điện thoại: ..... Email: .....
Giấy phép hoạt động in số..... ngày ..... . tháng..... năm..... do..... cấp.

Đề nghị được cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài với các thông tin sau:

STT	Tên xuất bản phẩm	Khuôn khổ (mm)	Số trang/bản thành phẩm	Số lượng thành phẩm (bản)	Tóm tắt nội dung
1.					
2.					
...					

2. Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài có sản phẩm đặt in:.....
Địa chỉ:.....
Do ông (bà): .... làm đại diện.
Số hộ chiếu: .....cấp ngày... tháng... năm... tại.....
3. Cửa khẩu xuất khẩu:.....
4. Hồ sơ kèm theo đơn gồm:.....[2]

Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành/Sở xem xét cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm trên cho chúng tôi. Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện các quy định của pháp luật về in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

---

[1] *Ghi tên cơ quan cấp giấy phép.*
[2] *Liệt kê hồ sơ kèm theo đơn quy định tại Khoản 3 Điều 34 Luật Xuất bản 2012.*

Mẫu số 21

TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.../GP-[1] ...	*..., ngày... tháng... năm...*

GIẤY PHÉP
In gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài

CỤC TRƯỞNG.../GIÁM ĐỐC SỞ...

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018);

Căn cứ Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông);

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài số:... ngày... tháng... năm... của.....,

CHO PHÉP:

1. Cơ sở in:.....

Địa chỉ:.....

Được in gia công xuất bản phẩm cho tổ chức (cá nhân) nước ngoài:.....

Địa chỉ:.....

Do ông (bà):..... làm đại diện.

Số hộ chiếu:..... do nước....., cấp ngày... tháng... năm....

---

[1] *Chữ viết tắt tên cơ quan cấp phép.*

Mẫu số 21

STT	Tên xuất bản phẩm	Khuôn khổ (mm)	Số trang/ bản thành phẩm	Số lượng thành phẩm (bản)
1.				
2.				
...				

2. Cửa khẩu xuất khẩu.....

3. Cơ sở in có trách nhiệm in đúng mẫu đã được đóng dấu Cục Xuất bản, In và Phát hành/Sở.

4. Cơ sở in chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm nhận in gia công. Tổ chức, cá nhân đặt chế bản, in, gia công sau in chịu trách nhiệm về bản quyền đối với xuất bản phẩm đặt in gia công.

5. Xuất bản phẩm in gia công cho tổ chức, cá nhân nước ngoài phải xuất khẩu 100%; trường hợp phát hành, sử dụng tại Việt Nam thì phải làm thủ tục nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

Giấy phép này để thực hiện làm thủ tục thông quan và có giá trị đến khi xuất khẩu hết số lượng xuất bản phẩm in gia công ghi tại Mục 1 của Giấy phép này.

CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Mẫu số 22

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)... **TÊN CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../... (nếu có)	*..., ngày.... tháng... năm...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp/cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm

Kính gửi: Cục Xuất bản, In và Phát hành

Tên cơ sở (doanh nghiệp) đề nghị cấp giấy phép:.....

Trụ sở:.....

Điện thoại:.....

E-mail:.....

Website (nếu có):.....

Mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan về hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm, doanh nghiệp chúng tôi đề nghị được cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm trực tiếp của nước ngoài.

Doanh nghiệp chúng tôi cam kết đảm bảo đầy đủ các điều kiện và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm sau khi được cấp giấy phép.

Kèm theo đơn này các tài liệu theo quy định.....[1]

Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành xem xét, cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

---

[1] *Căn cứ vào đề nghị cấp lần đầu hoặc cấp lại để gửi kèm theo các giấy tờ tương ứng cho phù hợp với quy định của Khoản 4 Điều 38 Luật Xuất bản, Điều 14 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.*

Mẫu số 23

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

Ảnh
3 cm x 4 cm
(nền trắng)

Số:.....
(theo Quyết định số:...../.....
ngày..... tháng..... năm.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN[1]

Căn cứ.....;

CHỨNG NHẬN:

Ông (bà):.....
Ngày, tháng, năm sinh:.....
Nơi làm việc:.....
Đã hoàn thành [2]:.....
.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

(1) Giấy này dùng để cấp cho người hoàn thành khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ trong các lĩnh vực xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm.

(2) Ghi đầy đủ tên khóa bồi dưỡng và thời gian tổ chức.

Mẫu số 24

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)...
TÊN CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

DANH SÁCH
Nhân viên thẩm định nội dung sách nhập khẩu
(Kèm theo đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm)

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ nghiệp vụ	Trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Thâm niên công tác trong hoạt động xuất bản tại Việt Nam
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
3						
4						
5						
...						

Chúng tôi cam kết các thông tin về nhân viên thẩm định nội dung sách nhập khẩu trong danh sách trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin này./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

- Cột (4): Ghi thông tin về số hiệu của giấy chứng nhận và ngày, tháng, năm được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ xuất khẩu, nhập khẩu xuất bản phẩm;

- Cột (5): Ghi cụ thể chuyên ngành đào tạo trên văn bằng, số hiệu, ngày, tháng, năm được cấp và tên cơ quan, cơ sở đào tạo cấp bằng tốt nghiệp đại học trở lên.

- Cột (6): Ghi cụ thể chuyên ngành ngoại ngữ được đào tạo (tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc, v.v...), số hiệu, ngày, tháng, năm được cấp và tên cơ quan, cơ sở đào tạo cấp bằng tốt nghiệp đại học trở lên;

- Cột (7): Ghi số năm công tác, tên cơ quan, đơn vị nơi đã công tác, số và ngày, tháng, năm được cấp sổ bảo hiểm xã hội hoặc giấy tờ có giá trị tương đương.

Mẫu số 25

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **CỤC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../GP-CXBIPH	*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm.....*

GIẤY PHÉP
Hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm

CỤC TRƯỞNG CỤC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018);

Căn cứ Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông);

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm của...ngày... tháng... năm...,

CHO PHÉP:

1. Cơ sở: .....
- Địa chỉ tại:.....
- Số điện thoại:..... Website..... Email: .....
- Mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế.....

Được nhập khẩu trực tiếp xuất bản phẩm ở nước ngoài để kinh doanh.

2. Hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm của..... phải tuân thủ quy định tại Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Xuất bản và Điều 14 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Giấy phép số... ngày... tháng... năm... không còn giá trị [(1)]

CỤC TRƯỞNG
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

[(1)] *Chỉ ghi mục này trong trường hợp cấp lại giấy phép.*

Mẫu số 26

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (NẾU CÓ) **TÊN CƠ SỞ NHẬP KHẨU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số:.../... (nếu có)	*..., ngày... tháng... năm...*

ĐƠN ĐĂNG KÝ
Nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh

Kính gửi: Cục Xuất bản, In và Phát hành

Tên cơ sở nhập khẩu:..... đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh với các thông tin sau đây:

- Tổng số tên xuất bản phẩm: .....
- Tổng số bản: .....
- Tổng số băng, đĩa hoặc các hình thức khác.....
- Từ nước (xuất xứ):.....
- Tên nhà cung cấp/Nhà xuất bản: .....
- Cửa khẩu nhập:.....

Chúng tôi cam kết thực hiện kiểm tra nội dung xuất bản phẩm trước khi phát hành, đồng thời chịu trách nhiệm về mọi hoạt động liên quan đến việc nhập khẩu xuất bản phẩm theo đúng các quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm.

Kèm theo đơn này gồm:

Ba (03) bản danh mục xuất bản phẩm đăng ký nhập khẩu trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính đến Cục Xuất bản, In và Phát hành;

Một (01) bản (tệp) danh mục xuất bản phẩm đăng ký nhập khẩu trong trường hợp nộp trực tuyến trên Cổng thông tin một cửa quốc gia đến Cục Xuất bản, In và Phát hành.

Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành xem xét và xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh cho chúng tôi./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.....

Mẫu số 27

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)
TÊN CƠ SỞ NHẬP KHẨU XUẤT BẢN PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày.... tháng... năm...

DANH MỤC XUẤT BẢN PHẨM NHẬP KHẨU ĐỂ KINH DOANH

(Kèm theo Đơn đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh số:...../.... ngày... tháng... năm...)

I. PHẦN GHI CỦA CƠ SỞ NHẬP KHẨU

STT	Mã ISBN	Tên gốc của xuất bản phẩm	Tên xuất bản phẩm bằng tiếng Việt	Tác giả	Nhà xuất bản	Thể loại	Số bản	Tóm tắt nội dung	Có kèm theo			Phạm vi sử dụng	Hình thức khác của xuất bản phẩm
									Đĩa	Băng, Cassette	Hình thức khác		
Nhà cung cấp:.....													
1													
...													
Nhà cung cấp:.....													
1													
...													
	Tổng cộng:												

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

II. PHẦN GHI CỦA CỤC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH[1]

Danh mục xuất bản phẩm trên đây được Cục Xuất bản, In và Phát hành cấp Giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu số.../... ngày... tháng.... năm...

---

[1] *Danh mục phải được Cục Xuất bản, In và Phát hành đóng dấu giáp lai với Giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu. Nếu Cơ sở nhập khẩu đăng ký Danh mục trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì không cần đóng dấu giáp lai của Cục Xuất bản, In và Phát hành.*

Mẫu số 28

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **CỤC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../...	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

GIẤY XÁC NHẬN
Đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018);

Căn cứ Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông);

Xét đơn đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm ngày... tháng... năm... của...,

XÁC NHẬN:

1. Đơn đăng ký xuất bản phẩm nhập khẩu để kinh doanh số....., ngày..... tháng..... năm..... của..... (tên cơ sở nhập khẩu) đã đăng ký tại Cục Xuất bản, In và Phát hành với tổng số:..... tên xuất bản phẩm và tổng số..... bản.

- Tổng số tên xuất bản phẩm được xác nhận đăng ký nhập khẩu là:..... xuất bản phẩm với tổng số bản:..... bản và tổng số băng, đĩa, cassette..... Hình thức khác.....

- Từ nước (xuất xứ):.....

- Tên nhà cung cấp/Nhà xuất bản: .....

- Cửa khẩu nhập:.....

2. Yêu cầu cơ sở nhập khẩu thực hiện (nếu có):

- Thẩm định nội dung xuất bản phẩm số: .....

Biên bản thẩm định gửi về Cục Xuất bản, In và Phát hành để báo cáo và chỉ được phát hành xuất bản phẩm trên khi có ý kiến của Cục Xuất bản, In và Phát hành

- Không được nhập khẩu xuất bản phẩm sau đây:.....

3. Giấy xác nhận này có giá trị thực hiện cho đến khi hoàn thành thủ tục nhập khẩu.

Kèm theo giấy xác nhận này là danh mục chi tiết xuất bản phẩm nhập khẩu đã được xác nhận đăng ký, có đóng dấu của Cục Xuất bản, In và Phát hành *(cơ sở nhập khẩu đăng ký thủ tục trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì không phải gửi văn bản kèm danh mục xuất bản phẩm đăng ký nhập khẩu bằng bản giấy)./.*

Nơi nhận:
- Cơ sở nhập khẩu (02 bản);
- Lưu: VT,...

CỤC TRƯỞNG
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Mẫu số 29

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ) **TÊN TC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số:.../... *(nếu có)*	*....., ngày... tháng... năm...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh

Kính gửi:.....(1)

- Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép: .....
- Trụ sở (địa chỉ):..... Số điện thoại: .....
- Căn cứ vào nhu cầu sử dụng xuất bản phẩm nước ngoài,.....

(ghi tên tổ chức, cá nhân) đề nghị được cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm, gồm:

1. Tổng số tên xuất bản phẩm:.....
2. Tổng số bản:.....
3. Tổng số băng, đĩa, cassette: .....
4. Từ nước (xuất xứ):.....
5. Tên nhà cung cấp/Nhà xuất bản: .....
6. Cửa khẩu nhập: .....

Kèm theo đơn này là 03 bản danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu *(Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến thủ tục này trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì gửi kèm theo file danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu trên Cổng thông tin một cửa quốc gia).*

Tổ chức/cá nhân... xin cam kết thực hiện đúng các quy định của Luật Xuất bản, Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành/Sở..... xem xét, cấp giấy phép./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

---

(1) Ghi tên cơ quan tiếp nhận đơn như sau:

- Đối với cơ quan, tổ chức ở Trung ương, tổ chức nước ngoài có trụ sở tại thành phố Hà Nội đứng tên trên đơn đề nghị thì ghi Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hà Nội;

- Đối với cơ quan, tổ chức khác và cá nhân Việt Nam, cá nhân nước ngoài đứng tên trên đơn đề nghị thì ghi Sở nơi đặt trụ sở hoặc nơi có cửa khẩu mà xuất bản phẩm được nhập khẩu.

Mẫu số 30

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)
TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... , ngày... tháng... năm.....

DANH MỤC XUẤT BẢN PHẨM NHẬP KHẨU KHÔNG KINH DOANH

(Kèm theo Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh, ngày... tháng... năm....)

I. PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU

STT	Mã ISBN	Tên gốc của XBP	Tên xuất bản phẩm bằng tiếng Việt	Tác giả	Nhà xuất bản	Thể loại	Số bản	Tóm tắt nội dung	Có kèm theo			Phạm vi sử dụng	Hình thức khác của xuất bản phẩm
									Đĩa	Băng cassette	Hình thức khác		
Nhà cung cấp:.....													
1													
...													
Nhà cung cấp:.....													
1													
...													
	Tổng cộng:												

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

II. PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU[1]

Danh mục xuất bản phẩm trên đây được Cục Xuất bản, In và Phát hành/Sở... cấp Giấy phép nhập khẩu số.../ngày... tháng... năm...

(1) Danh mục phải được Cục Xuất bản, In và Phát hành/Sở đóng dấu giáp lai với Giấy phép nhập khẩu. Nếu cơ sở nhập khẩu đăng ký Danh mục trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì không cần đóng dấu giáp lai của Cục Xuất bản, In và Phát hành/Sở.

Mẫu số 31

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../GP-...[1]	*...., ngày... tháng... năm...*

GIẤY PHÉP
Nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh

CỤC TRƯỞNG.../GIÁM ĐỐC...

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018);

Căn cứ Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông);

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh của tổ chức, cá nhân... ngày... tháng... năm...,

CHO PHÉP:

1. Tổ chức/cá nhân..... được nhập khẩu xuất bản phẩm nước ngoài không kinh doanh, cụ thể:

- Tổng số tên: .....
- Tổng số bản: .....
- Tổng số băng, đĩa, cassette:..... Hình thức khác .....

---

[1] *Chữ viết tắt tên cơ quan có thẩm quyền cấp phép*

Mẫu số 31

- Từ nước (xuất xứ):.....

- Tên nhà cung cấp/Nhà xuất bản: .....

- Cửa khẩu nhập:.....

Có danh mục kèm theo gồm:

Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, đến Cục Xuất bản, In và Phát hành/Sở thì nhận Giấy phép và 02 danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu đã được đóng dấu của Cục Xuất bản, In và Phát hành/Sở;

Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì nhận Giấy phép và danh mục trực tuyến trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Yêu cầu tổ chức, cá nhân phải nộp xuất bản phẩm sau đây để Cục Xuất bản, In và Phát hành/*Sở*..... thẩm định nội dung trước khi phát hành (nếu có):

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thực hiện đúng nội dung giấy phép này và các quy định của pháp luật về nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh.

4. Giấy phép bị sửa chữa, tẩy xóa, photocopy không có giá trị thực hiện.

Giấy phép có giá trị cho đến khi thực hiện xong thủ tục thông quan./.

CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Mẫu số 32

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)... **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số.../... (nếu có)	*..., ngày.... tháng... năm...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép tổ chức triển lãm/hội chợ xuất bản phẩm

Kính gửi:.....[1]

Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:.....

Trụ sở (địa chỉ):..... Số điện thoại:.....

Căn cứ quy định pháp luật hiện hành về tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm, đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành/Sở xem xét, cấp giấy phép tổ chức triển lãm/hội chợ xuất bản phẩm với các thông tin sau đây:

- Mục đích triển lãm/hội chợ .....
.....
- Thời gian từ ngày... tháng... năm... đến ngày.... tháng... năm...
- Tại địa điểm:.....

Kèm theo đơn này:

- Danh mục xuất bản phẩm để triển lãm/hội chợ;
- Danh sách các đơn vị tham gia.

(Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến thủ tục này trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thì gửi kèm file danh mục xuất bản phẩm để triển lãm, hội chợ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia).

Tên tổ chức/cá nhân đề nghị..... cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật về triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm và các quy định pháp luật có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

---

[1] *Ghi tên cơ quan tiếp nhận đơn như sau:*

- Cơ quan, tổ chức ở Trung ương; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi hồ sơ đến Cục Xuất bản, In và Phát hành - Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc cư trú tại địa phương và chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức ở Trung ương đặt tại địa phương gửi hồ sơ đến Sở TTTT (nơi tổ chức triển lãm, hội chợ).

Mẫu số 33

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)...
TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày... tháng... năm....

DANH MỤC XUẤT BẢN PHẨM ĐỂ TRIỂN LÃM/HỘI CHỢ
(Kèm theo Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm, ngày... tháng... năm...)

I. PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

STT	Tên xuất bản phẩm	Tác giả	Nhà xuất bản	Số lượng (bản)	Thể loại	Tóm tắt nội dung	Có kèm theo			Hình thức khác của xuất bản phẩm
							Đĩa (CD, VCD)	Băng video	Băng cassette	
1										
2										
...										
	Tổng cộng:									

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

II. PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Xuất bản phẩm trên đây được sử dụng để triển lãm, hội chợ theo Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm số:..... ngày... tháng... năm... Cục Xuất bản, In và Phát hành/Sở.

Mẫu số 34

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN... **TÊN CƠ QUAN QLNN CẤP PHÉP...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../GP-...[1]	*..., ngày... tháng... năm...*

GIẤY PHÉP
Tổ chức triển lãm/hội chợ xuất bản phẩm

CỤC TRƯỞNG.../GIÁM ĐỐC...

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018);

Căn cứ Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông);

Xét đơn đề nghị tổ chức triển lãm/hội chợ của...,

CHO PHÉP:

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân..... được tổ chức triển lãm/hội chợ xuất bản phẩm.

- Thời gian: từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

- Tại địa điểm:.....

2. Các đơn vị tham gia triển lãm/hội chợ gồm:..... đơn vị (Có danh sách kèm theo)

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép chịu trách nhiệm về xuất bản phẩm để triển lãm, hội chợ.

(Danh mục xuất bản phẩm kèm theo được Cục Xuất bản, In và Phát hành/ Sở đóng dấu giáp lai với Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ và đóng dấu giáp lai các trang của danh mục. Trong trường hợp tổ chức, cá nhân đăng ký thủ tục này trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thì nhận Giấy phép và danh mục trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.)

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày... tháng... năm.../.

Nơi nhận:
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép;
- Lưu: VT,...

CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

---

[1] *Chữ viết tắt tên cơ quan cấp phép.*

Mẫu số 35

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ) **TÊN CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../... (nếu có)	*..., ngày... tháng... năm...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Đăng ký/Đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm

Kính gửi:.....(1)

Tên cơ sở phát hành:.....

Tên người đứng đầu:..... Quốc tịch:.....

Căn cước công dân/hộ chiếu số....., cấp ngày..... tháng..... năm.....

Nơi cấp.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....

E-mail:.....

Website (nếu có): .....

Mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế.....

Chi nhánh:

- Số lượng chi nhánh:.....
- Địa chỉ, số điện thoại từng chi nhánh:.....

Địa điểm kinh doanh:

- Số lượng địa điểm: .....
- Địa chỉ, số điện thoại từng địa điểm:.....

Căn cứ Luật Xuất bản năm 2012 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, đơn vị chúng tôi gửi đến quý cơ quan hồ sơ đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (lần đầu/đăng ký lại). Kèm theo đơn này là các giấy tờ theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết đảm bảo đầy đủ các điều kiện và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về hoạt động phát hành xuất bản phẩm. Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành/Sở xem xét xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

---

(1) - Cơ sở phát hành có trụ sở chính và chi nhánh tại hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên gửi hồ sơ đến Cục Xuất bản, In và Phát hành;

- Cơ sở phát hành có trụ sở chính và chi nhánh tại cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi hồ sơ đến Sở Thông tin và Truyền thông sở tại.

Mẫu số 36

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN [1] **TÊN CƠ QUAN QLNN [2]**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../XN-...[3]	*..., ngày... tháng... năm...*

GIẤY XÁC NHẬN
Đăng ký/đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm

CỤC TRƯỞNG.../GIÁM ĐỐC SỞ...

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018);

Căn cứ Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông);

Xét đơn đề nghị đăng ký/đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm của... ngày... tháng... năm... của...,

XÁC NHẬN:

1. Cơ sở phát hành xuất bản phẩm:

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Số điện thoại:..... Email:.....

- Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế:.....

Đã đăng ký/đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm với Cục Xuất bản, In và Phát hành/Sở ở trung ương và địa phương .....

Các chi nhánh và địa điểm kinh doanh gồm (nếu có):

- Chi nhánh:

Số lượng chi nhánh: .....

Địa chỉ, số điện thoại từng chi nhánh: .....

- Địa điểm kinh doanh:

Số lượng địa điểm: .....

Địa chỉ, số điện thoại từng địa điểm: .....

2. Hoạt động phát hành xuất bản phẩm của..... phải thực tuân thủ quy định tại các Điều 36 và 37 Luật Xuất bản và pháp luật có liên quan.

3. Giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm số...../..... ngày... tháng... năm... không còn giá trị(6)

Nơi nhận:
- Cơ sở phát hành XBP;
- Cục XBIPH (để b/c);(4)
- Sở (để biết);(5)
- Lưu: VT,...

CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

---

(1) Tên cơ quan chủ quản trực tiếp: Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc UBND tỉnh, thành phố.

(2) Tên cơ quan QLNN có thẩm quyền: Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan QLNN có thẩm quyền.

(4) Chỉ ghi đối với Giấy xác nhận của Cục Xuất bản, In và Phát hành.

(5) Chỉ ghi đối với Giấy xác nhận của Sở.

(6) Chỉ ghi mục này trong trường hợp cấp lại Giấy xác nhận.

Mẫu số 37

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)... **TÊN CƠ SỞ NHẬP KHẨU...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../QĐ-.....(1)	*..., ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Thành lập Hội đồng thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu để kinh doanh(2)

GIÁM ĐỐC.... *(Tên cơ sở nhập khẩu)*

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018);

Căn cứ Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông);

Căn cứ yêu cầu của Cục Xuất bản, In và Phát hành tại Giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh số..... ngày... tháng... năm...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu kinh doanh, gồm các ông, bà:

1. Ông (bà)....., Giám đốc, Chủ tịch hội đồng thẩm định;

2. Ông (bà)....., chức danh, trình độ ngoại ngữ..... thành viên;

3. Ông (bà)....., chức danh, trình độ ngoại ngữ..... thành viên;

4. Ông (bà)....., chức danh, trình độ ngoại ngữ..... thành viên;

5. Ông (bà)....., chức danh, trình độ ngoại ngữ..... thành viên thư ký.

Điều 2. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định:

Tổ chức thẩm định nội dung xuất bản phẩm theo Giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh số..... của Cục Xuất bản, In và Phát hành ngày... tháng... năm...

Điều 3. Các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Xuất bản, In và Phát hành (để b/c);
- Lưu: VT,...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

(1) Ghi tên viết tắt của đơn vị, cơ sở nhập khẩu;

(2) Mẫu quyết định này áp dụng đối với cơ sở hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm.

Mẫu số 38

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ) **TÊN CƠ SỞ NHẬP KHẨU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:... /BB-...[1]	

BIÊN BẢN
Thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu[2]

- Căn cứ yêu cầu của Cục Xuất bản, In và Phát hành tại Giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm kinh doanh số:..... ngày... tháng... năm...;

- Căn cứ Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định ngày... tháng... năm...;

Ngày... tháng... năm....tại.....Hội đồng thẩm định tiến hành tổ chức thẩm định xuất bản phẩm nhập khẩu.

Thành phần gồm:

1. Ông(bà) ..... - Giám đốc, Chủ tịch hội đồng thẩm định
2. Ông(bà) ..... - Chức danh, thành viên
3. Ông(bà) ..... - Chức danh, thành viên
4. Ông(bà) ..... - Chức danh, thành viên
5. Ông(bà) ..... - Chức danh, thành viên

I. Nội dung thẩm định nội dung xuất bản phẩm:.....
.....
.....

II. Kết luận của Hội đồng thẩm định nội dung xuất bản phẩm:.....
.....
.....

Biên bản này được lập thành 03 bản: 01 bản lưu tại Hội đồng, 01 bản lưu tại cơ sở nhập khẩu và một bản gửi kèm theo Công văn báo cáo Cục Xuất bản, In và Phát hành.

THƯ KÝ	**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH** *(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

(1) Ghi tên viết tắt của đơn vị, cơ sở nhập khẩu
(2) Mẫu này áp dụng đối với cơ sở hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm.

Mẫu số 39

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ) **TÊN CQ, TC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../... (nếu có)	*..., ngày... tháng... năm...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp/cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam

Kính gửi: Cục Xuất bản, In và Phát hành

- Tên đầy đủ của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài: .....
- Trụ sở chính (địa chỉ): .....
- Số điện thoại:..... E-mail:.....
- Chức năng, nội dung và phạm vi hoạt động của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài: .....
.....

Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam (...[1]) cho nhà xuất bản, tổ chức phát hành xuất bản phẩm chúng tôi với các thông tin sau đây:

1. Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam: .....
2. Thông tin người đứng đầu văn phòng đại diện:
- Họ và tên: .....
- Quốc tịch: .....
- Hộ chiếu số/Căn cước công dân số....., cấp ngày... tháng... năm..., nơi cấp .....
3. Nội dung hoạt động của văn phòng đại diện: .....
.....
.....
4. Kèm theo đơn này gồm các giấy tờ sau đây [2]:

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan về văn phòng đại diện.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

---

(1) Ghi "lần đầu" hoặc "cấp lại";

(2) Căn cứ vào đề nghị cấp lần đầu hoặc cấp lại để gửi kèm theo các giấy tờ tương ứng phù hợp với quy định của pháp luật.

Mẫu số 40

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ) **TÊN CQ, TC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../... (nếu có)	*..., ngày... tháng... năm...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam

Kính gửi: Cục Xuất bản, In và Phát hành

- Tên đầy đủ của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài:.....

- Trụ sở chính (địa chỉ): .....

- Số điện thoại:..... E-mail:.....

- Chức năng, nội dung và phạm vi hoạt động của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài:.....

Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành điều chỉnh/bổ sung thông tin thay đổi vào Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam số:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... theo các thông tin, cụ thể sau:

- Tên gọi.....

- Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam: .....

- Họ và tên người đứng đầu văn phòng đại diện: .....

- Quốc tịch người đứng đầu văn phòng đại diện:.....

- Số căn cước công dân hoặc Số hộ chiếu người đứng đầu văn phòng đại diện..... cấp ngày... tháng... năm... tại.....

- Nội dung hoạt động của văn phòng đại diện:

Kèm theo đơn này là bản sao Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nói trên. Chúng tôi cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản, của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài và các quy định pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Mẫu số 41

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ) **TÊN CQ, TC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../... (nếu có)	*..., ngày... tháng... năm...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam

Kính gửi: Cục Xuất bản, In và Phát hành

- Tên đầy đủ của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài:.....

- Trụ sở chính (địa chỉ):.....

- Số điện thoại:..... E-mail:.....

- Chức năng, nội dung và phạm vi hoạt động của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài:.....(1) được cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam số...../GP-...

Nay, giấy phép thành lập văn phòng đại diện của chúng tôi đã hết hạn. Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành gia hạn giấy phép theo quy định của pháp luật đến ngày..... tháng..... năm.....

Kèm theo đơn này là bản sao Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nói trên.

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản, của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài và các quy định pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

(1) Tên nhà xuất bản/tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài.

Mẫu số 42

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **CỤC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../GP-CXBIPH	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

GIẤY PHÉP
Thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài
(Cấp lại lần thứ [1]:...)

CỤC TRƯỞNG CỤC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018);

Căn cứ Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông);

Xét hồ sơ đề nghị cấp (hoặc cấp lại) giấy phép hoạt động văn phòng đại diện của...;

Theo đề nghị của Trưởng phòng...,

CHO PHÉP:

1. Nhà xuất bản/tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài..... được thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam với các nội dung sau:

- Địa chỉ: .....
- Điện thoại:..... Email: .....

Mẫu số 42

- Người đứng đầu văn phòng đại diện là ông (bà):.....

- Quốc tịch:..... Số hộ chiếu/Số căn cước công dân..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

2. Văn phòng đại diện của Nhà xuất bản/tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài..... được hoạt động theo nội dung sau đây:.....

3. Nhà xuất bản nước ngoài/tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài và văn phòng đại diện tại Việt Nam có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung của giấy phép này, các quy định của pháp luật về văn phòng đại diện và quy định pháp luật có liên quan.

4. Giấy phép này kèm Phụ lục (nếu có) có giá trị 05 năm kể từ ngày ký.

5. Giấy phép số..../... ngày... tháng... năm... kèm Phụ lục (nếu có) không còn giá trị[(1)].

Giấy phép bị tẩy xóa, sửa chữa, photocopy không có giá trị./.

CỤC TRƯỞNG
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

[(1)] *Chỉ ghi mục này trong trường hợp cấp lại Giấy phép.*

Mẫu số 43

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ) **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ/CÁ NHÂN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../... (nếu có)	*..., ngày... tháng... năm...*

ĐƠN ĐĂNG KÝ
Hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử

Kính gửi: Cục Xuất bản, In và Phát hành

- Căn cứ văn bản số..... ngày... tháng... năm... của Cục Xuất bản, In và Phát hành về việc thẩm định Đề án hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử;

- Trên cơ sở kết quả triển khai thực hiện Đề án hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử theo ý kiến thẩm định của Cục Xuất bản, In và Phát hành;

..... *(tên nhà xuất bản, tên tổ chức hoặc cá nhân đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm)* trân trọng đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành xác nhận đăng ký để được chính thức hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử.

..... *(tên nhà xuất bản, tên tổ chức hoặc cá nhân đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm)* cam kết tuân thủ quy định của Luật Xuất bản, Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, các quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu:.....	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

Mẫu số 44

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN (nếu có) **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ/ CÁ NHÂN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử

1. Tên cơ quan, tổ chức/cá nhân thực hiện đề án:.....

- Trụ sở (địa chỉ):.....

- Điện thoại:..... Email.....

- Giấy phép thành lập nhà xuất bản/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh .....

- Tôn chỉ, mục đích hoạt động:.....

2. Sự cần thiết của đề án *(nêu rõ lý do, nhu cầu hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử)*

3. Nội dung hoạt động *(Xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử)*.....

4. Điều kiện về thiết bị, công nghệ dự kiến triển khai gồm:.....

(Mô tả điều kiện về thiết bị, công nghệ dự kiến triển khai theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP cần thể hiện rõ các nội dung sau:

a) Danh mục máy chủ đặt tại Việt Nam, gồm tối thiểu các thông tin sau: tên máy chủ, cấu hình, năm sản xuất, hãng sản xuất, nước sản xuất, số lượng, chất lượng (mới/đã qua sử dụng), vị trí lắp đặt (bao gồm cả địa chỉ IP đối với máy chủ), cán bộ quản lý/vận hành, chức năng/tính năng sử dụng;

b) Tài liệu chứng minh đường truyền kết nối Internet được đăng ký hợp pháp để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử trên mạng Internet;

c) Thuyết minh về giải pháp kỹ thuật để kiểm soát việc xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử; bao gồm việc phát hành, loại bỏ hoặc khôi phục để phát hành;

d) Mô tả, thuyết minh tổng quan hệ thống lưu trữ bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật để lưu trữ các xuất bản phẩm điện tử đã xuất bản, phát hành; cung cấp tài liệu thiết kế cơ sở hoặc tài liệu có giá trị tương đương.

Thuyết minh việc bảo đảm yêu cầu về tính xác thực, toàn vẹn, an toàn thông tin, có khả năng truy cập ngay từ khi được tạo lập của xuất bản phẩm điện tử được lưu trữ;

đ) Tài liệu chứng minh về việc có chứng thư số hợp pháp theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử).

5. Điều kiện về nhân lực kỹ thuật dự kiến triển khai gồm:.....

(Mô tả điều kiện về nhân lực kỹ thuật theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP dự kiến triển khai cần lập danh sách nhân lực kỹ thuật

gồm tối thiểu các thông tin: họ và tên, chức vụ, trình độ chuyên môn, liệt kê thông tin về văn bằng, chứng chỉ chuyên môn về công nghệ thông tin của nhân lực kỹ thuật hoặc kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ).

6. Các biện pháp kỹ thuật dự kiến triển khai gồm:.....

(Mô tả các biện pháp kỹ thuật dự kiến triển khai theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP cần thể hiện rõ các nội dung sau:

a) Thuyết minh về giải pháp kỹ thuật chống xâm nhập trái phép qua hệ thống mạng Internet.

b) Mô tả quy trình nghiệp vụ xử lý sự cố về an toàn, an ninh thông tin;

c) Mô tả quy trình nghiệp vụ để xác định việc can thiệp làm thay đổi nội dung xuất bản phẩm điện tử;

d) Mô tả việc đáp ứng điều kiện về giải pháp kỹ thuật kiểm soát bản quyền số trong hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT)

7. Tên miền Internet Việt Nam dự kiến để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử:.....

(Mô tả tên miền Internet Việt Nam theo quy định tại Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP dự kiến để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử cần thể hiện rõ nội dung sau đây:

a) Nhà xuất bản thực hiện xuất bản; tổ chức, cá nhân thực hiện phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet có sử dụng ít nhất 01 tên miền ".vn" và lưu giữ thông tin tại hệ thống máy chủ có địa chỉ IP ở Việt Nam;

b) Nhà xuất bản thực hiện xuất bản; tổ chức, cá nhân thực hiện phát hành xuất bản phẩm điện tử đứng tên là chủ thể đăng ký sử dụng tên miền;

c) Tên miền ".vn" trong đề án còn hạn sử dụng ít nhất 06 tháng.

Trường hợp không thực hiện xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử trên mạng Internet thì không phải mô tả điều kiện có máy chủ đặt tại Việt Nam, máy tính và các thiết bị khác để phục vụ mục đích xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP; không phải mô tả điều kiện về việc có đường truyền kết nối Internet quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP; không phải mô tả điều kiện về việc có tên miền Internet quy định tại Điểm c Khoản 1, Điểm c Khoản 2 Điều 45 Luật Xuất bản và Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP).

8. Chủ đề, đề tài của xuất bản phẩm điện tử chủ yếu dự kiến xuất bản, phát hành:.....

9. Các thông tin khác *(nếu có):*.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Mẫu số 45

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **CỤC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../XN-CXBIPH	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

GIẤY XÁC NHẬN
Đăng ký hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử

CỤC TRƯỞNG CỤC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018);

Căn cứ Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông);

Xét đơn đăng ký hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử ngày... tháng... năm... của.....;

XÁC NHẬN:

1. Tên nhà xuất bản/tổ chức hoặc cá nhân:

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Email:..... Website:.....

- Số căn cước công dân/hộ chiếu hoặc giấy tờ tương đương:..... cấp ngày.../.../..., nơi cấp:.....[1]

---

[1] *Chỉ ghi mục này trong trường hợp xác nhận đăng ký cho cá nhân.*

Được hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử từ ngày.... tháng... năm..... theo Đề án đã được Cục Xuất bản, In và Phát hành thẩm định tại văn bản số:... ngày... tháng... năm...

2. Nhà xuất bản/tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm thực hiện đúng quy định các quy định của pháp luật về hoạt động xuất bản/phát hành xuất bản phẩm điện tử và các quy định của pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:
- Nhà xuất bản/tổ chức/cá nhân;
- Lưu: VT...

CỤC TRƯỞNG
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng